NĂM THỨ TƯ Số 157 Thứ năm 7 Septembre 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Bình-giả với người bị phê-bình — *Hoa-Bằng*
* Phan-thanh-Giản (1796-1867) — *Khuông-Việt*
* Thân oan cho Lý-Bạch và khuất-Nguyên. . . — *Thái-Can*
* Chu-văn-An — *Nhật-Nham*
* Những ông Nghè triều Lê (XCIV) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Một quyển sách nói về Bà Trưng — *Ưng-hòe*
* Hướng-dương — *Ngân-Giang*
* Dịch thơ cổ — *Nguyễn hữu Tri dịch*
* Bốn năm trên đảo Các-Ba (IV) — *Vân-Đài*
* Nguyễn-văn-Giai — *Dương-tụ Quán*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXV) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Đại nam dật sự (XLI) — *Ưng-hòe*
* An-Tư, tiểu thuyết (X) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

0$50

BÌNH - GIẢ VỚI NGƯỜI BỊ PHÊ - BÌNH

HOA-BẰNG

Khi còn sinh-thời bạn Lê Thanh, bạn tôi thường hay viết những bài phê-bình về văn-học này khác. Có lần, bạn tôi nói đùa với tôi: « Có lẽ rồi đây chúng ta *không dám* làm việc phê bình nữa, vì khen không sao, chứ động chê một tý thì người ta giận! » Tôi liền đáp lại bằng giọng tỉ-hước: « Nếu thế, từ rày, nên gọi *Lê-Thanh là nhà sợ phê bình* ! »

Câu ấy của bạn tôi tuy có vẻ « nói chơi », nhưng không phải không có duyên-cớ...

Là vì ở xứ ta, nhất là trong làng văn, ít người biết phục thiện. Tôi nói « ít » thôi, chứ tựu trung không phải không có.

Có một hạng người, vì tác hư danh, hám cậu lợi, lại có một lòng kiêu-ngạo không bờ-bến, tưởng tên tuổi mình cần phải được dài thọ với non sông, nên cố làm những việc vượt quá sức mình, tung ra đời một mớ « giấy trắng mực đen » để hòng được liệt vào hàng « bất hủ » trên đài vinh quang của nước Đại Việt.

Rồi cái mớ tạm gọi là « tác-phẩm » ấy bị người ta lôi ra phê-bình, chỉ rõ cho thấy những cái lầm lẫn sai xuyễn.

Thế là cơn thịnh-nộ phừng-phừng nổi, những khí căm hờn tức tối sùng-sục sôi trong đáy lòng, họ liền đáp lại bằng một thái-độ « kém học-giả », bằng những lời-lẽ khiếm-nhã không đáng có ở cửa miệng nhà văn.

Cao hơn thế, có hạng chịu đọc, chịu viết, viết ra những văn-phẩm cũng có giá-trị, muốn hướng-dẫn độc-giả đi theo con đường mà mình đã vạch. Dẫu vậy, sự giũa ngọc tất phải nhờ đến đá núi, khúc gỗ vạy cũng cần dùng tới mực tàu. Vì một lẽ rất giản-dị dễ hiểu này: người trong cuộc thường mê-man, khách ngoài vòng lại thấy rõ. Nếu không có sự thiết, tha, trắc, ma lẫn nhau, kẻ chính bổ túc lẫn cho nhau, thì trong cõi học sẽ do đó mà mờ mịt tối-tăm, bởi đâu nảy được tia sáng chân lý nữa! Vì thế, trên đàn văn, cần phải có vị ngự sử. Mà người đóng vai ngự-sử này, bổn phận buộc phải đàn bặc những cái nếu mình thấy rõ là không đúng, là sai lầm. Khen ư? Là vì chân-lý mà khen, vì học thuật mà khuyến khích. Chê ư? Cũng do công-tâm, do phận sự phải nhổ cỏ lùng, vun lúa tốt trong khu đất văn-hóa, chứ không hề vì một thế-lực gì sai khiến hoặc vì một tư ý gì mà hành-động.

Nhiều khi người bị phê-bình, vì lòng quá tự trọng hoặc quá tự phụ, không chịu bình tâm tĩnh khí mà nghe lời trung, phục lẽ phải. Vì thế trong giới văn-học ta, phần đông người « bị phê bình » thường hay ác cảm với bình giả, một khi tác-phẩm mình « được » bình-giả chỉ gùm cho thấy những chỗ còn khuyết-điểm.

Đành rằng biển học mông-mênh, chúng ta mới chỉ là hột cát nằm trong bờ bến, chứ mấy ai dã chối-với ra ngoài biển khơi mà dám tự phụ nói rằng mình vạn năng, mình tận thiện được! Nhưng, « *Trăm hay chẳng bằng tay quen* », và « *Chẳng khôn, thế chị lâu ngày* ... ». Ta nên nhớ rằng « kinh-nghiệm vượt hơn khoa-học » mà sự từng-trải của người hơn tuổi vẫn đáng qui dối với đám sinh sau

Đáng buồn là, bây giờ, ít người chịu nghĩ như thế, nên một khi bị phê-bình, người ta thường tìm hết cách để « trả miếng » lại!

Một nhà học-giả có nói chuyện với tôi: Mình vì việc học mà phải viết, phải phê-bình; thế mà lắm người không hiểu, hoặc cố ý hiểu lầm rằng công-việc mình làm là hữu sở vị... Rồi thấy những chỗ « nói thẳng » trong bài phê-bình của mình, họ hết sức bất bình, vội tìm những cách phát-tiết không chính đáng! Thôi thì đủ thứ: họ dọa đánh, họ dọa trát bẩn bôi nhọ! Nhưng dầu sao mặc lòng, ta cũng cứ thản nhiên, cứ làm việc cho học-thuật...

Tôi cười đáp:

— Chính tôi cũng đã gặp những trường-hợp ấy. Người ta cũng đe dọa tôi bằng một động tác đáng bỉ. Nhưng bao giờ tôi cũng cầm vững cán bút, bao giờ tôi cũng nhận chân những đức thiêng liêng cao quí của nghề văn.

« *Dù ai nói ngả, nói nghiêng,*
Ta đây cứ vững như kiềng ba chân ».

H. B.

Nhân ngày giỗ :

Phan-thanh-Giản (1796-1867)

KHUÔNG VIỆT

Với tay xé tấm lịch, sực nhớ ngày giỗ một bực danh-thần cao-khiết, chúng tôi không dừng được không truy niệm người xưa.

Một nén hương, một bó hoa và một tấm lòng thành, kẻ hậu sanh nầy chỉ có thế thôi !

Và đây, để chia xẻ mối cảm-hoài cùng người nước, xin có vài dòng gởi tới « Tri Tân », nhờ chuyền thông khắp Bắc-Trung-Nam.

***

Ngày nay ngồi trước bức chơn-dung cụ Phan-Thanh-Giản, làm sao khỏi nhớ lại ngày mồng bốn tháng bảy năm Đinh-mão (3 Août 1867) là ngày cụ cạn « *chén ngọt ngon mùi chính khí* ».

Bảy mươi bảy năm qua !

Biết bao vật đổi sao dời mà tấm trung-can của Phan Lương-Khê vẫn rạng rỡ khắp trời Nam.

Ở đây, hà tất phải kể lại tiểu-sử của người, khi kẻ tri-thức từng cầm tay nhiều sách báo. (1)

Hương thơm thoang-thoảng, khói tỏa mờ mờ, ta hãy ngược dòng thời-gian, thả hồn theo gió, vào một gian nhà lá (2) tại Vĩnh-long thành, đặng chứng kiến những phút cuối cùng của người « *Thơ sanh già họ Phan ở góc biển nước Đại-Nam* ». (3)

***

Ngày giờ đã chọn trước, nên buổi sớm ngày mồng hai, khi quan Pháp trình và bổn công văn xin ký nhận, Phan Kinh-Lược đã bảo « *Mau đi* ». (4)

Đi sở gởi rồi. Mọi việc sắp đặt ổn-thỏa, rành mạch, từ cái linh-cữu, tấm minh-tinh tới tang phục của gia-quyến, tôi tớ, qua lời dặn các con nên xử sự làm sao, cụ không quên một chi-tiết nào cả.

Ngày mồng bốn cái phút đợi chờ trong nửa tháng nay, từ cụ nhịn ăn, đã tới rồi !

Vách đất mái tranh hậu cố chứa nỗi chang cái không kể đau thương bủa khắp nhà !

Bao nhiêu gương mặt đều chuyền ra một vẻ. Bao nhiêu cặp mắt đều chói sáng một tia lửa. Đố ai đọc hết ý nghĩ trong đầu óc người đang đứng quanh mình cụ.

Bên trong lặng như tờ.

Ngoài vườn rì rào lá dừa cọ lá chuối như than thở cùng nhau

Một cánh cò trắng lướt nhẹ trên Long-hồ giang chập chờn vài đợt sóng, tựa hồ bịu rịu tiếc thương.

Gần mười một giờ, Phan-Thanh-Giản đã sẵn sàng bước sang thế giới khác, rán gom hết sức tàn, thành kính bái vọng về Bắc-khuyết.

Một tiếng nấc nhẹ trong buồng, cụ nhăn mày bất mãn. Tim gan có thể nứt vỡ ; đầu óc có thể cháy bừng, nhưng tuyệt không được than với khóc.

Mười một giờ. Đỉnh trầm nhẹ tỏa một làn khói thơm. Phan Thanh-Giản sáng suốt, tỉnh táo, nâng chén thuốc độc, ngoảnh về phương Bắc, uống một hơi.

***

Qua hai giờ chiều, khi thuốc đã thấm mới được cho các quan Pháp hay. Quan tư-lệnh Aussart, vị linh-mục Marc vội vàng tới thì chỉ còn đủ thì giờ từ biệt người trung-thần họ Phan của nước Việt. (5)

Kể cụ lìa đi. Quan lương-y Le Couniat dầu có tài-bộ và tận tâm thế nào cũng không giành Phan-Thanh-Giản lại được với Tử thần. Thuốc phiện... gặp một cơ-thể tao-nhã vi nhịn ăn và tu-uất thì dầu tay Biền-thước cũng chẳng làm gì được.

Trong đêm mồng năm, cụ thở hơi cuối cùng.

***

Đây cũng là một cái chết, nhưng không giống muôn ngàn cái chết khác. Đối với cái chết nầy, nước mắt và lời khóc than chỉ là thừa. Người chết đã, với cái phong-độ nhà nho, ung dung tự mình sắp-đặt cái chết của mình. Chết để tránh nhục cho vua và cha ; chết mà kẻ nghịch phải kính phục ái-mộ. Đó mới thật là cái chết của người sĩ quân-tử, không kém đứng anh hùng da ngựa bọc thây.

Một cái chết đáng lưu lại muôn đời cho kẻ đi sau trông đó làm gương xử thế.

KHUÔNG-VIỆT

---

(1) Xin kể sơ vài quyển sách và tạp chí về P.T.G :

a) Thái hữu Võ. — Phan-thanh-Giản (g) truyền (1927).

(b P. Daudin et Lê văn-Phát. — Phan-thanh Giản et sa famille d'après quelques documents annamites. — Saigon - 1941.

c) Tr. Tân số 97-98 99 ngày 27 mai, 3 và 10 juin 1943.

d) Bulletin des Amis du Vieux Hué 1915. tr. 211-224.

e) Nam-kỳ tuần báo, số đặc biệt 46, ngày 5 août 1943.

(2) Tương truyền rằng sau khi giao thành Vĩnh long (20 Juin 1867) Phan-thanh Giản rời dinh thự, ra ngụ một căn nhà lá nhỏ.

(3) Rút câu « Đại-Nam hải nhai lão thơ sinh tánh Phan chi cữu », trong lời trối của cụ Phan Xem tạp chí Đại-Việt số 1 ngày 1er Octobre 1942, bài của Lê Tạo Xuân.

(4) Theo tạp chí Indochine số 166, ngày 4 Novembre 1943, trang 6.

(5) Theo tạp chí Indochine số 166, ngày 4-11-1943. tr. 6.

Thân oan cho Lý-Bạch và Khuất-Nguyên

Lý-Bạch và Khuất-Nguyên có phải nịnh thần không?

THÁI-CAN

Khuất-bình từ phú huyền nhật nguyệt,
Sở vương đài tạ không sơn khâu!
Lý-Bạch

Trong quyển *Thượng cổ sử Ai-cập*, trang 179, ông Nguyễn-đức-Quỳnh viết: «Đọc những bài tán dương uy-danh các vị Pharaoui, ta chẳng khỏi nhớ đến những thiên tuyệt bút của *bọn nịnh-thần như bọn Khuất-Nguyên, Lý thái-Bạch ở Trung-quốc...*» Không ngờ hai nhân-vật sống cách nhau gần 800 năm đã bị họ Nguyễn để chung vào một bị: *nịnh-thần*.

I. Lý-Bạch: — Tôi nghe rằng Thái-Bạch là một thi-sĩ «*ngông*», chứ chưa hề nghe rằng Lý là một «nịnh-thần». Cái «ngông» của Lý-Bạch có thể sánh với cái «ngông» của Tản-Đà chả hạn, nhưng cái tài của Lý thời cao hơn cái tài của Tản-Đà muôn trượng. Các vương-công đời Đường có bao dung Lý-Bạch, cũng chỉ là ưa cái tài của Lý chứ không phải là vì cái văn thù tạc, nịnh-hót của Lý. *Nếu muốn tìm thi-sĩ nịnh-hót thù tạc thì thiếu gì thi-sĩ khác trong văn thơ Tàu, mà ông Quỳnh lại chọn lấy Lý-Bạch, là đại-biểu cho hạng thi-sĩ «ngông»!* Xin nghe:

Xử thế nhược đại mộng,
Hà vi lao kỳ sinh!

Sở dĩ chung nhật tửy,
Đồi nhiên ngọa tiền đình.
Giác lai miên đình tiền,
Nhất điểu hoa gian minh.
Cảm chi dục thán-tức,
Đối chi hoàn tự khuynh.
Hạo ca đãi minh-nguyệt,
Khúc tận dĩ veng tình!

Nghĩa là: «Ở đời như một giấc mộng lớn, thì làm chi lạo tâm lao lực vì sự sinh nhai! cho nên suốt ngày ta cứ say li-bì, rồi ngã lăn ra nằm trước cột, tỉnh dậy bỗng thấy mình nằm trước nhà; lắng tai nghe thì chim hót trong hoa. Thở hỏi rằng: «Ngày này là ngày nào, mà chim oanh đã hót líu-lo?» Ta cảm xúc mà than-thở, rồi lại gục xuống. Rồi cứ hát ngao mãi tới trăng sáng, hát xong mà chẳng biết mình đã hát những gì!»

Bài thơ ấy là biểu hiệu cái «*ngông*» của Lý, và cả của một phái thơ; mà người ta thích Lý cũng thích vì cái «ngông» ấy. Còn các thi-sĩ nịnh-hót thù tạc thì đã lâu rồi không ai thèm đếm xỉa đến tên tuổi của họ. Theo một thuyết, thì cái chết của Lý cũng đặc sắc: một hôm, Lý say rượu, muốn ôm vừng trăng dưới sông, nhỡ sẩy chân ngã xuống nước mà chết! Cái chết ấy thực là «*ngông*» đến tột bực. Lý Bạch suốt đời nghèo nàn. Lý Bạch đâu được no cơm ấm áo mà sống, chết như một hạng giá áo túi cơm chỉ lấy văn-chương mà «làm đĩ» với đời. Vả chăng một thi-gia đương thời đã biểu dương cái tự-do phóng khoáng của Lý bằng mấy câu thơ bất-hủ:

Lý-Bạch nhất đẩu thi bách thiên,
Trường-an thị thượng tửu gia miên.
Thiên-tử hô lai bất thượng thuyền,
Tự xưng: «Thần thị tửu trung tiên.!»

Nghĩa là: «Lý-Bạch uống một đấu rượu làm được một ngàn thiên thơ. Ngủ ở chỗ Trường-an, trên quán rượu; nhà vua gọi lại mà không chịu lên thuyền, tự xưng mình là «tiên trong Rượu!» Xem đó thì biết: Lý-Bạch là một kỳ-tài, «*ngông-nghênh*»; chứ không phải là một nịnh-thần, chỉ biết làm thi ca để thù phụng, ca-ngợi kẻ quyền-quí! Người ta có thể lấy bài «Thanh bình tam thủ» nói Lý nịnh Dương phi, nhưng không, đó cũng là loại thơ «mê gái» của một thi-sĩ «*ngông*», như loại thơ gửi cho tình nhân của Tản-Đà đó thôi. Còn các bài thơ khác đều là giọng «*ngông*» suốt cả.

***

II.— Khuất-Nguyên. — Còn Khuất-Nguyên? Theo ý ông Nguyễn-đức-Quỳnh, thì Khuất-Nguyên cũng là một «Nịnh-thần» đã làm những bài văn tuyệt bút v. v...! Đây, tôi xin dịch lại cả bài «*Truyện Khuất-Nguyên*» của Tư-mã Thiên, một đại-sử-gia đời Hán:

«Khuất-Nguyên tên là Bình, cùng họ với vua Sở, giúp vua Sở Hoài-vương. Biết nhiều mà chỉ

cùng, sáng suốt về việc trị, loạn, lại quen làm từ-lệnh. Vào cung thì cùng vua tham-nghị, ra thì ban-bố hiệu-lệnh. Ở ngoài thì tiếp khách, ứng đối với chư hầu. Sở Hoài-vương rất tin cẩn; Thượng-quan đại-phu cũng một hàng, ghen ghét, tranh sủng-lộc và muốn hại cái tài của Khuất-Nguyên.

« Một hôm Hoài-vương sai Khuất-Nguyên ra huấn-lệnh, Khuất-Nguyên làm tờ thảo chưa xong, Thượng-quan đại-phu thấy mà muốn giành, Khuất-Nguyên không cho, nhân đó rồi Thượng-quan đại-phu gièm cùng Hoài-vương: « Nhà vua sai Khuất-Bình làm huấn-lệnh, công chúng ai chẳng biết việc ấy. Thế mà mỗi khi một chính-lệnh ra, Bình khoe-khoang rằng đó là công mình mà nói rằng: « Không phải là ta thì ai làm nổi! » Hoài-vương nghe lời gièm-pha ấy, mà xa Khuất-Nguyên. *Khuất-Nguyên tức vua không minh, lời gièm pha che sự công bằng, lời tà khúc hại người ngay thẳng, mà kẻ phương-chính chẳng được làm hết trách-nhiệm*: Cho nên ưu-sầu mà làm ra *Ly-tao*. Ly-tao là gì? Là bị xa vua, không làm được việc nước, cho nên ưu-sầu. *Ly-tao* là *Ly-ưu* vậy.

Ôi! Trời, cha mẹ là gốc của người. Người ta đến lúc cùng khốn thì đoái lại nguồn gốc. Cho nên khi lao khổ quyện-cực, không khi nào là không kêu trời; đau đớn khổ sở không khi nào không kêu cha mẹ. Như Khuất-Nguyên, *làm thẳng theo đường chính-đạo hết sức trung-trực, dùng hết trí-năng để thờ vua*, mà bị người gièm-pha ly-gián, như thế có thể nói đã đến « cùng cực » vậy! *Làm điều tin mà lại bị nghi, ở một lòng trung mà lại bị phụ bạc*, mà không sinh ra lòng oán-hận hay sao? Khuất-Nguyên làm ra *Ly-tao* đó, cũng là vì oán-hận mà làm vậy. Quốc-phong ham sắc đẹp mà không dâm, Tiểu-nhã oán đều phỉ-báng mà không loạn. Như *Ly-tao*, có thể nói là gồm cả hai đức-tính của Quốc-phong và Tiểu-nhã. Trên hết nói vua Đế-Cốc, dưới nói việc Tề-Hoàn, ở giữa kể việc Thang Võ. *Ly-tao* thích thế sự, làm rạng cái vẻ rộng-rãi tôn-nghiêm của đạo-đức, cái mạch-lạc của sự trị-loạn; không có cái gì mà không xét đến. Văn của *Ly-tao* ngắn, lời của *Ly-tao* nhiệm, *ý của Ly-tao trong sạch, hành vi trong Ly-tao liêm chính*. Tuy văn xưng ra thì nhỏ, song cái ý-chí thì cực lớn; tuy nói thì cực gần, song sự xét thấy thì cực xa, cái chí trung *Ly-tao* trong sạch, cho nên các vật dẫn ra trong *Ly-tao* đều về thơm tho; sự hành-vi ở *Ly-tao* liêm-chính, cho nên lúc chết mà Khuất-Nguyên không xa lìa! *Như con ve chưa lột xác, phải sống trong bùn lầy, mà lột xác ra thì thanh-khiết, bay liệng ngoài vòng trần ai, không hề nhuốm bụi bặm của trần thế. Thực ở bùn mà chẳng bị lấm bùn vậy. Suy chí ấy ra, thì mặt trời mặt trăng tranh ánh sáng cũng phải.*

Khi Khuất-Nguyên đã bị truất, Tần muốn đánh Tề. Mà Tề với Sở lại thân-thích, cho nên Tần Huệ-vương lấy làm lo; bèn sai Trương-Nghi đem nhiều của, gửi con tin giả vờ theo Sở. Trương-Nghi nói: « Nước Tần tôi thậm ghét nước Tề, mà Tề với Sở lại thân-thích; bây giờ nếu Sở thành thực tuyệt giao với Tề, thì nước Tần tôi xin nạp 600 dặm đất Thương-ư cho Sở. Sở Hoài-vương sẵn lòng tham, lại nghe lời Trương-Nghi, bèn tuyệt-giao với Tề, rồi sai sứ sang Tần nhận đất. Trương-Nghi xảo-trá, nói: « Nghi này ước cùng nhà vua 6 dặm, chứ có phải 600 dặm đâu! » Sứ-thần nước Sở giận lắm, bèn về kể chuyện lại cho Sở Hoài-vương nghe. Hoài-vương cả giận, bèn cử đại binh đánh Tần. Tần cũng cử binh chống lại; đại phá quân Sở ở đất Đan-dương; chém tám vạn đầu, bắt tướng Sở là Khuất-Cái; lại chiếm luôn đất Hán-trung của Sở; Hoài-vương bèn cử hết quân trong nước, kéo sâu vào nước Tần mà đánh. Tần và Sở đánh nhau ở đất Lam-điền. Nước Ngụy nghe tin ấy, cử quân đánh Sở đến đất Đặng, quân Sở sợ hãi, bèn từ Tần rút về, mà Tề lại giận không giúp Sở, quân Sở rất là khốn-đốn ». Năm sau, Tần cắt đất Hán trung để hòa cùng Sở. Sở nói: « Không nguyện được đất, chỉ nguyện được đầu Trương-Nghi mới cam tâm! » Trương-Nghi nghe, bèn nói: « Lấy một cái đầu của Nghi này, mà đổi được đất Hán-trung, thần xin đi qua Sở! » Trương-nghi qua Sở, lại lấy rất nhiều vàng bạc đút lót cho Thượng-quan đại-phu là Cần-Thượng; rồi lại đặt lời ngoa-biện làm cho được lòng người thiếp yêu của Hoài-vương là Trịnh-Tụ. Hoài-vương nghe lời Trịnh-Tụ bèn tha Trương-Nghi. *Khi ấy Khuất-Nguyên đã bị gièm pha mà xa Hoài-vương; đương đi sứ ở Tề, bèn về can vua Hoài-vương, rằng: « Sao không giết Trương-Nghi? »* Hoài-vương hối-hận cho

(Xem tiếp trang 9)

CHU-VĂN-AN

NHẬT-NHAM

Tiên-sinh họ chu, húy là Văn-An, tự là Linh-triệt, người làng Quang-liệt, huyện Thanh-đàm (nay là Thanh-trì), tỉnh Hà đông, nổi tiếng là một bậc cao khiết ở đời Trần.

Tính cương-trực và điềm đạm, không cầu danh lợi, chỉ cốt giữ gìn tiết tháo, tỏ đạo thánh-hiền và bài-xích dị-đoan.

Ở nhà đọc sách, học rất tinh thuần. Chỗ sở-cư gọi là Văn-thôn, thư-thất lập trên một cái gò cao, thêm đầm làm trường dạy học. Xa gần nghe tiếng đều hâm mộ, kéo nhau tựu học rất đông. Các môn sinh về sau hiển-đạt cũng nhiều, có lắm người giữ những địa vị quan-trọng trong chính giới.

Niên-hiệu Khai-thái (1324-1329), vua Trần Minh-tôn (1314-1329) nghe tiếng tiên sinh là bậc đạo-học mô-phạm, bèn mời vào Kinh làm Quốc-tử giám tư nghiệp, dạy Thái-tử học tập. Đức-nghiệp của tiên-sinh làm khuôn mẫu cho một thời, người người suy trọng.

Minh-tôn làm vua đến năm Ất tị (1329) thì nhường ngôi cho Thái-tử Vượng, tức là Hiến tôn, rồi về làm thái-thượng-hoàng.

Hiến-tôn làm vua đến năm Tân tị (1341) thì mất, trị vì được 13 năm thọ 23 tuổi.

Hiến-tôn không có con, Minh tôn thượng-hoàng lập người em là Hạo lên làm vua, tức là Giụ tôn (1341-1369).

Trong mười mấy năm đầu niên-hiệu Thiệu-phong (1341-1357), tuy Giụ-tôn làm vua, nhưng quyền chính trị ở Minh-tôn thượng-hoàng quyết đoán cả, nên trong nước còn có trật-tự. Từ năm Đại-trị nguyên niên (1358) trở đi, Thượng-hoàng mất rồi, các cựu thần không còn ai, vua Giụ-tôn sinh ra hoang-dâm vô độ, chính sự ngày một suy đồi, kẻ gian-thần sinh ra kiêu ngạo.

Tiên sinh thấy chính sự đồi nát, khuyên can vua và các bạn Đồng-liêu không nghe, bèn dâng sớ xin chém 7 người nịnh-thần đều là những kẻ quyền-thế hách-dịch lúc bấy giờ. Người đương thời gọi là « thất chẩm sớ ».

Sớ dâng lên, vua không nghe, tiên-sinh bèn cởi mũ áo, trả chức quan, trở về làng cũ.

Nhân ra chơi làng Kiệt-đặc, huyện Chí Linh, tiên-sinh thấy phong-cảnh u-nhã, núi non kỳ-ảo, bèn làm nhà trên núi Phượng-hoàng, tự hiệu là Tiều ẩn. Dải núi Chí-linh có 72 ngọn trùng-trùng điệp-điệp, cây cối rườm rà thông-suất. Bên hữu là núi Phượng-hoàng, bên tả là núi Kỳ-lân. Trên núi Phượng-hoàng, có suối ngọt chảy ra thành nguồn, vòng quanh sườn núi, rồi chảy xuống một vực sâu, dồn lại, tạo thành đầm Miết, nước vừa trong, vừa ngọt. Qua đầm Miết, nước suối lại chảy quanh ra ngoài chân núi thông xuống sông Thanh Lương.

Ôm bầu tiết-tháo, sống một cuộc đời nhàn tản giữa chốn sơn-lâm nát, nhà hàn sĩ thường nhật vẫn hay một mình tản bộ trong rừng thông bao-la bát ngát hoặc tiêu-dao trên một con thuyền đủng-đỉnh trên đầm Miết hay trong sông Thanh-Lương, ngâm thơ uống rượu làm vui. Những ngày đại triều hội, tiên-sinh thường được vời vào dự.

Vua Giụ-tôn muốn dùng tiên sinh làm tướng, nhưng tiên sinh chối-từ, không chịu ra làm quan nữa.

Hiến-từ Thái-hoàng thả-hậu nói rằng : « Người ấy là bậc cao-sĩ. Thiên-tử không có quyền bắt làm tôi được ; giáo thế nào được chính sự cho người ta ? »

Vua sai nội-thần đem ban cho mũ áo, tiên sinh nhận lấy, nhưng rồi lại đưa cho người khác. Thiên hạ đều khen là phong-nghĩa rất cao.

Năm Kỷ-dậu (1369), vua Giụ-tôn mất, không có con. Triều-đình định lập Cung định vương là anh Giụ-tôn lên làm vua, nhưng Hoàng thái-hậu nhất định lập người con nuôi Cung-túc-Vương là Dương Nhật-Lễ.

Các quan tôn thất nhà Trần hội nhau đem binh về bắt Nhật-Lễ giết đi, rồi rước Cung-định vương về làm vua, tức là Nghệ-Tôn.

Tiên-sinh thấy quốc-tống sắp tuyệt, lại được quần-thần đón rước Nghệ-Tôn lập làm vua, rất lấy làm mừng, bèn chống gậy về kinh yết-kiến ; xong lại xin về điền lý, nhất quyết từ tạ không chịu nhận phong.

Vua Nghệ-Tôn rất kính trọng, sai quan đưa tiên-sinh về tới nhà.

Không bao lâu, tiên-sinh mất ở nhà. Vua Nghệ-tôn sai quan đến dự tế, ban tên thụy là Văn-Trinh công và hiệu là Khang-tiết tiên sinh, cho được tòng sự vào bên tả-vu đền Văn-miếu, ngang hàng với các bậc tiên-nho.

***

Tiên sinh sự đạo rất long-trọng uy-mạo lại cương-nghiêm, nên học-trò bấy giờ coi tiên sinh như núi Thái-sơn, như sao Bắc-đẩu, trọng vọng vô cùng. Phạm-sư-Mạnh, Lê bá Quát đã làm đến chức hành-khiển, thế mà vẫn giữ phép học-trò : mỗi khi đến thăm thầy, đều đứng hầu dưới đất. Trong bọn học-trò, ai có điều gì không phải, tiên-sinh lập tức quở mắng, đuổi đi ngay.

Nghiêm-nghị như thế, khiến ai cũng kính sợ ; đức vọng lại cao khiến các công-khanh phải hướng-mộ.

Thời bấy giờ, ông Trần nguyên Đán hiệu Băng-hồ cư-sĩ, có tặng thơ rằng.

學海向瀾俗再醇
Học hải hồi lan tục tái thuần
上蔡山斗得斯人
Thượng tường sơn đẩu đắc tư nhân
窮經博史工夫大
Cùng kinh bác sử công phu đại
敬老崇儒政化新
Kính lão sùng nho chính hóa tân

Dịch

Bể học ngăn-ngừa, tục lại hay.
Thái-sơn, Bắc đẩu : có người này
Sử, kinh học rộng, công-phu lớn...
Kính lão, tôn nho : chính mới đây.

(Hoa-Bằng dịch)

Văn-Trinh-Công có soạn *Tiền ẩn thi-tập, Quốc-ngữ thi tập* và *Tứ thư thuyết ước*. Về sau, bị người Minh thu cả sách-vở đời Trần đem về Tàu, nên ngoài mấy bài thơ chữ nho ra, tác phẩm của tiên sinh không còn gì nữa !

***

Văn - Trinh - công học - nghiệp thuần túy, tiết-tháo phong cao, người đương thời đều suy tôn, người hậu-thế cũng cảm ngưỡng ; Trước sau đều xưng là đức-nghiệp của cho tông.

Ông Nguyễn công Thái đỗ Tiến-sĩ, làm quan giám-sát thời Vĩnh hiệu đời Lê, soạn bài văn bia đền thờ Văn Trinh công vào năm Vĩnh-thịnh thứ ba (1707) đời vua Lê Gia-Tôn (1706-1729) nguyên-văn bằng chữ nho. Dưới đây xin sao-lục bản dịch ra quốc-văn.

Bài văn bia đền thờ ông Chu An

« Tiên-sinh họ Chu huý là An, người huyện Thanh-Đàm (1) xưa. Ở về đời Trần, trải bốn đời vua (2). Sau ẩn về ở núi Chí linh ; được phong tặng là Văn-Trinh công và được tùng tự ở Văn-miếu. Đền này là chỗ thờ riêng ngài, tục truyền là nơi ngài giảng học khi xưa, mấy đời đều có gia-phong, đến nay thờ làm phúc-thần. Xưa có bia chép sự-tích ngài, song lâu ngày chữ đã mòn cả. Nay dân làng phụng thờ lại, đến xin tôi soạn lại. Tôi là kẻ hậu-sinh lại là người đồng huyện, không dám vì mình còn thiển vụng mà từ-chối. Vậy xin chắp tay làm bài tự này.

« Ôi ! Người sĩ quân-tử Lớn người là ở đều dốc đạo bền lòng, cử động theo nghĩa, không theo thói thường mà tự đổi mình. Hễ bàn đến các bực nho-sĩ nước Việt ta, chỉ có tiên sinh là đáng trọng hơn cả. Đương lúc làm quan, không tham danh lợi, hạnh thật là cao ! Những khi ở nhà, chăm giảng Kinh điển, học thật là chính ! Lại đánh khinh-phục nữa là đạo thầy rất mực tôn-nghiêm, học trò nhiều người thành tựu. Cái ơn tiên-sinh đào-tạo nên người thật là cô cùng vậy !

« Niên-hiệu Khai thái (1324-1329) sung chức tư nghiệp, trông nom việc dạy Thái-tử làm mô phạm cho bọn học-trò, danh tiếng thật là rõ rệt ! Triều vua Thiệu-phong (1341-1358), giận kẻ quyền thần, dâng sớ xin chém bảy đầu, làm rõ minh cả bọn gian nịnh, trung nghĩa thực là chói lọi ! Nói vua không nghe, liền xin từ chức lui về làng cũ.

(*Xem tiếp trang 21*)

(1) *Nay là huyện Thanh-trì (Hàđông)*

(2) *Bốn đời vua : Trần-Minh-Tôn, Hiến Tôn, Giụ-Tôn, Nghệ Tôn.*

ĐÃ CÓ BÁN

HOA MỘNG

của *TƯỜNG VẬN*

1) *Thơ làm* (có nhiều bài đặc-sắc, hi-ca, từ khúc v.v)
2) *Thơ dịch* (có mấy bài đường-thư viết bằng bút lông rất tôi)
3) *Thơ dịch Pháp văn* (lựa những bài tuyệt - tác của *Lamartine Victor Hugo, Alf de Masset, Baudelaire, Verlaine S. Prud'homme, Régnier, Maeterlinck, Clesse de Noailles*, v.v.

Ông Nguyễn triệu-Luật riêng chú-ý đến phần này mới khen dịch-giả (xem *Tao Đàn* số 13 1939) có tài viết - hóa văn-chương Pháp như bà Nguyễn-Điềm (dịch Chinh-phụ-Ngâm) có tài việt-hóa văn-chương Tàu

Ai muốn xem bài này xin gửi tem 0$10 cho Kiosque Thanh-Tao-Vinh.

Hỏi « Hoa-Mộng » ở các hiệu sách lớn.

BIA VĂN MIẾU

NHƯNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 94

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa mậu-thìn (1508) là năm thứ từ hiệu Đoan-khánh đời vua Lê Uy-Mục, thi tiến-sĩ vào hồi tháng hai, lấy đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ, đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân và đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân, cả thảy năm mươi tư ông.

Ba ông đỗ nhất giáp kê tên sau này:

1· — **Nguyễn-giản-Thanh** người làng Ông-mặc (Hương-mặc ta thường gọi là làng Mẹ), huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc (nay Bắc-ninh). Năm hai mươi tám tuổi đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập-đệ đệ nhất danh (tức trạng-nguyên) khoa mậu-thìn (1508) đời vua Lê Uy-Mục. Làm quan đến hàn-lâm-viện thị-thư, kiêm đông-các đại-học-sĩ. Sau làm quan với Mạc, Mạc-đăng-Dung sai sang sứ Tàu cầu phong, lúc về được thăng Lễ-bộ thượng-thư, kiêm hàn-lâm-viện thị-độc, coi việc viện, tước Trung-phụ-bá, đến lúc chết, truy tặng tước hầu. Có tập thơ gọi là *Thương côn châu ngọc*, (sẽ tìm sau). Là con Nguyễn-giản-Liêm đỗ nhị-giáp-tiến-sĩ khoa 1487 (Dịch theo *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 5 a, và *Đại-Việt Đình-nguyên phật-lục*, sách viết của trường Bác-cổ, số A 1265, tờ 20 b).

Đăng khoa bị khảo q. Kinh-bắc, tờ 32 b đến 33 b) chép « ông đỗ năm hai-mươi sáu tuổi. Đi sứ Tàu về, có công được thăng Lễ-bộ thượng-thư, kiêm hàm-lâm-viện thị-giảng, coi việc viện.... Cha là Nguyễn-giản-Liêm cũng vì con, được phong ấm hàm thái-bảo.... Lúc bấy giờ Mạc đăng-Dung thi nghịch, thiên-hạ đều biết tội, ông học sách thánh hiền, đỗ đến trạng-nguyên, quan đến đại-học..... thế mà theo Mạc để thám tước lộc..... tưởng ông Giản-Liêm có biết cũng chẳng lấy thế làm vinh ».

Đình-nguyên phật-lục, (tờ 21 a) có chép một chuyện rằng: « Lúc nhỏ ông đi học, có một hôm tan buổi học trở về, bị giời mưa, học trò không về được, thầy ra một câu đối rằng: « vũ vô quan tỏa năng lưu khách » nghĩa là « mưa, không có cửa, có khóa mà giữ được khách lại ». Ông Giản-Thanh liền đối rằng; « Sắc bất phong ba dị nịch nhân » nghĩa là « Sắc đẹp, không có gió sóng mà dễ làm đắm người ta». Thầy phê rằng: « thật là khí-tượng đại-khoa, nhưng lụy vì nữ sắc ». Có một người học-trò khác đối rằng: « Nguyệt hữu cung loan bất sạ nhân » nghĩa là « mặt giăng có cung cong nhưng không bắn người ». Thầy phê rằng: « tài không bằng-giản-Thanh, nhưng công danh được hoàn toàn ». Về sau sự nghiệp của hai ông ấy quả nhiên như lời thầy đã phê. »

2·— **Hứa-tam-Tỉnh**, người xã Như-nguyệt, (*Đăng khoa bị khảo*, chép là Vọng-nguyệt) huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, trấn kinh-bắc, (nay Bắc-ninh). Năm ba mươi ba tuổi đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập-đệ đệ nhị danh (Bảng-nhãn) khoa mậu-thìn (1508) đời vua Lê Uy-mục. Năm quý-dậu (1513) đang chức hàn-lâm-viện thị-thư, sung chức phó-sứ sang nhà Minh về việc tuế-cống. Lúc bấy giờ Mạc-đăng-Dung thi nghịch, các bậc tôi nhà Lê, có người bỏ chức quan mà đi, có người không chịu khuất mà chết, có người khởi binh cần vương, duy một mình ông không thế, khuất thân theo Mạc, làm đến Lại-bộ thượng-thư năm 1538 cùng Nguyễn-văn Thái (đỗ thám-hoa khoa 1562) đem biểu của Mạc đăng Doanh sang nhà Minh xin hàng. Lại vì Mạc-đăng-Dung, sang sứ Tàu cầu phong, có công được thăng thiếu-bảo, tước Đôn-giáo-hầu, về trí sĩ. (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 5 a, và *Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 58 a).

3· — **Nguyễn-hữu-Nghiêm**, người xã Phúc-khê, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc (Bắc-ninh). Năm mười tám tuổi mới một lần đi thi đỗ ngay đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ đệ tam danh (thám hoa) khoa mậu-thìn (1508) đời vua Lê Uy-mục. Làm quan đến thượng-thư, kiêm coi việc viện hàn-lâm. Lúc bấy giờ Mạc-đăng-Dung lộng quyền tiếm loạn, tệ hơn Vương-Mãng Tào-Tháo, triều thần nhà Lê phần nhiều bắt buộc phải theo, thế mà ông vẫn giữ một lòng chính trực, thường thường ẩu nhau với Đăng-Dung ở giữa chốn triều đường: Đăng-Dung căm giận lắm, mà không làm gì nổi. Năm nhâm-ngọ (1522) vua Chiêu-tông không chịu nổi những điều tàn ngược của Đăng-Dung, mới ngự ra ngoài thành, sai ông và ông Đàm-thận-Huy nhận tờ mật chiếu về Bắc-giang khởi nghĩa cần vương. Hai ông chiêu dụ tướng-sĩ; khuyến khích ba quân, cốt lấy trung nghĩa làm trọng, bàn được

Thân oan cho...

(Tiếp theo trang 6)

người đuổi theo Trương Nghi, thì đã không kịp nữa. Sau chư-hầu họp nhau đánh Sở, đại phá quân Sở, giết tướng Sở là Dương-Muội. Khi ấy vua Tần là Chiêu-vương kết hôn cùng người Sở, muốn cùng vua Sở hội họp. *Sở Hoài-vương muốn đi qua Tần, Khuất-Bình nói: «Nước Tần là loài hổ lang, nhà vua không nên đi thì phải».* Con nhỏ của Hoài-vương là Tử-Lan thì lại tán thành khuyên vua đi, nói rằng nhà vua không có lẽ gì mà lại cự-tuyệt sự mời mọc vui-vẻ của vua Tần. Sau rốt, Sở Hoài-vương qua Tần, đến Võ-quan thì Tần phục quân triệt lối về, giam hãm Sở Hoài-vương để đòi chia đất. Hoài-vương giận lắm, không nghe, bèn chạy qua nước Triệu. Triệu không dung nạp, lại quay về Tần, rồi chết ở đất Tần, đem xác về chôn ở Sở. Con trưởng là Sở Hạng-Tương-vương lên nối ngôi, em Tương-vương là Tử-Lan thì làm chức lệnh-doãn. Người nước Sở ghét Tử-Lan đã khuyên Hoài-vương qua Tần mà không được trở về nữa. Khuất-Bình lại càng ghét Tử Lan.

Tuy bị phóng-lưu, nhưng Khuất-Nguyên một niềm nghĩ đến nước Sở, lòng nhớ Hoài-vương, mà không người chỉ trở về, chỉ mong nhà vua (Tương vương) biết hối-hận, và quần thần biết cải cách. Cho nên: vì lòng lo vua, thương nước, muốn trở về mà trong một thiên *Ly-tao* ba bốn lần nói lại. Nhưng rốt cuộc cũng không làm sao được, (vua không hối quá, quần thần vẫn xu-nịnh), cho nên lại không trở về. *Kẻ đã làm vua, không kể là trí hay là ngu, là hiền hay là bất tiếu, ai lại không cầu trung thần để giúp đỡ mình, ai lại không cần hiền-sĩ để phò tá mình; thế mà các vị đế-vương cứ bị nước mất nhà tan hoài, đó là tại sao? Chỉ vì tại người mà người ta gọi là trung đó là bất trung, người mà người ta gọi là hiền đó là bất tiếu!* Sở Hoài-vương *không biết phân biệt trung thần*, cho nên trong thì bị mê hoặc bởi ả Trịnh-Tụ, ngoài thì bị lừa bởi gã Trương-Nghi, xa Khuất-Nguyên mà tin ở Thượng quan đại-phu, lệnh-doãn Tử-Lan, thì binh thua đất mất (mất hết 6 quận), đến nỗi thân mình bị chết ở nơi đất khách, làm một trò cười cho thiên-hạ! *Đó là cái họa không biết dùng người vậy.* Sách *dịch* có nói: «Giếng che không uống, lòng ta buồn thay!» là lời nói của người tôi giỏi, khả để cho ông vua sáng dùng; nếu dùng được người ấy thì thiên hạ có phúc. Vua mà không sáng, có phải là phúc đó chăng?

Lệnh-doãn Tử Lan nghe rằng Khuất-Nguyên ghét mình, bèn khiến Thượng-quan đại phu vu-cáo Khuất-Nguyên với Tương-vương, Tương-vương giận, bèn đày đi. Khuất-Nguyên làm bài phú *Hoài-sa*, rồi mang đá, tự gieo mình xuống sông Mịch-la mà chết».

Cả một bài lịch-sử Khuất-Nguyên đó, Tư-mã Tiên đã «cải hộ» cho Khuất-Nguyên khỏi bị tiếng oan «nịnh thần» dưới ngòi bút ông Nguyên đời Quỳnh. Trái lại Khuất Nguyên là một trung-thần, hơn nữa, Khuất-Nguyên là biểu-hiệu cho hạng trung thần, cũng như Lý-Bạch là biểu hiệu cho hạng thi-sĩ «*ngông*»

Bộ Tân-văn-hóa ý tưởng thiên về duy-vật, biên dịch kể cũng công-phu lắm. Nhưng hình như biên-dịch một cách cấp bách quá, không khỏi cái họa «dục-tốc» được! Và chăng học-giả xứ ta có một cái thông bệnh: đã sở trường về cựu-học thì sai lầm về cách diễn giải có trật-tự quy-tắc của đám tân-học; đã sở trường về tân-học thì cũng lờ mờ, suy luận bừa bãi chẳng cần về những sự vật và nhân vật thời xưa. Hai cái khuyết điểm đó thực là đáng tiếc!

THAI-CAN (Pakse)

---

thua không kể, chỉ biết kể rõ cái tội của họ Mạc, để chính đốn quyền cương chốn triều đình, không ngờ thời thế không may, bị Mạc-đăng-Dung đánh thua. Đến mùa đông năm ất-dậu (1525) Đăng-Dung lại ép vua Chiêu-tông về kinh. ông nghe biết tin ấy bèn lẩn lút ở vùng Tam-nông, định lại khởi nghĩa để đánh Mạc, nhưng quân ít tướng yếu, bị Mạc-đăng-Dung bắt được, đóng cũi đưa về kinh sư. Đăng-Dung đem xe hành hình ông và con ông, khi ông bị bắt, nhan sắc không đổi, cười nói như thường, con ông nhiếc đến mười đời nhà Đăng-Dung, ông nói: «Phải trái đã có công luận của thiên-hạ, nói làm gì?». Lúc cha con ông mất, giới đất tôi tăm lại, ai ai cũng lấy làm thương. Đầu đời Lê trung-hưng (1533 1548) bao phong những người tiết-nghĩa, ông được truy phong là trung-đẳng phúc-thần, lập đền để xuân thu quốc-tế người đời sau lấy làm vinh diệu (dịch trong *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 5 b, và *Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 33 b 34 a).

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Một quyển sách nói về Bà Trưng

Ông-bà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Nguyễn Tố Mỹ mới biên khảo quyển *Hai bà Trưng khởi nghĩa* cho tủ sách « Tân văn hóa », tức là tập 40 và 41 của tạp chí *Văn mới* ra ngày 25 tháng 3 tây.

Một quyển sách lịch-sử dày đến 238 trang chép truyện một vị anh-hùng, mà biết dùng chữ « khởi nghĩa », thì ai chẳng thích đọc? Nhưng xét ra ông Mỹ làm không đúng với chữ « biên khảo » vì ông biên-chép thì sai lầm, khảo cứu thì nhận lầm phong-tục xứ khác làm phong-tục xứ mình.

Bởi vậy, lại phải phê-bình. Theo lệ thường, thì mỗi quyển chỉ viết một bài là đủ. Nhưng quyển này phải viết dài, ít nhất cũng phải viết làm hai bài, vì trong sách nói bậy nhiều quá: Nay hãy chữa những chỗ sai ở bài « tự luận ».

Mở đầu ông Mỹ, nói: « viết quyển sử này theo 3 lập luận... ». Đã gọi là viết sử thì phải chép tất cả những tài liệu đích-đáng, không nên thêm bớt chữ nào, rồi có ý-kiến gì thì chép phụ vào, chứ không có thể « lập luận » trước rồi mới chép sách sau; vả lại đã gọi là chép sử, là chép theo sự thực, thì còn có lý luận gì mà lập mà theo?

« Lập luận thứ nhất » của ông Mỹ cho « cuộc khởi nghĩa của Trưng-Vương là một giai đoạn bột khởi của phong trào đẳng cấp đại quý tộc Giao chỉ bộ chống lại chế độ quận huyện tập trung của Hán triều ». Câu ấy tức là cuộc khởi nghĩa của Bà Trưng là một thời-kỳ tự nhiên nổi lên ở trong đám đại quý-tộc Giao chỉ để chống lại chính-sách quận huyện của người Tàu. Ông Mỹ nói ông Patris và ông Đào-duy-Anh đã « lập luận như vậy ». Nhưng có phải thế đâu. Trong quyển *Essai d'histoire d'Annam*, 1er partie *L'antiquité et le haut moyen âge* của ông Patris (chứ không có quyển nào của ông gọi là *Histoire d'Annam des origines aux Lê antérieurs* như ông Mỹ dẫn ở trang đầu bài tự-luận), có đoạn đàn nói về hai Bà Trưng như sau: « Những cuộc khởi binh tỏ ra rằng dân Nam bấy giờ nhiệt tâm phấn uất, không chịu người chiến thắng làm chủ mình, nhưng những cuộc ấy không xảy ra ngay sau khi bị xâm lược. Cuộc thứ nhất mãi đến khoảng giữa thế-kỷ thứ nhất sau Thiên-chúa mới xảy ra, có hai người đàn bà đứng đầu, mà tuy là một cuộc ngắn-ngủi, kết-quả không được lâu bền, thế mà người nam vẫn ghi nhớ đặc biệt hơn hết và truyền tụng một cách rất tôn-kính nghiêm-trang. Thực thế, đã gần hai nghìn năm nay người nước Nam vẫn tôn bà Trưng-Trắc và Trưng Nhị là những bậc đã lấy lại quyền tự-chủ cho nước trong khi bị nô-lệ. nào cũng sùng bái là vị phúc thần và thần thánh, lúc nào cũng đến lòng chân thành thờ phụng rất tôn-nghiêm. Người Nam và Bà Trưng với vị anh-hùng rất trong sạch rất cao-quý ở sử nước Pháp, thường gọi Bà Trưng là bà ~~Gan-Đa của nước Nam~~ (Les insurrections qui témoignent de la farouche impatience avec laquelle le peuple d'Annam subissait la domination des vainqueurs, ne se produisirent cependant pas aussitôt après la conquête. La première n'eut lieu que vers le milieu du premier siècle de notre ère et fut dirigée par deux femmes... Si elle fut l'une des plus courtes et si ses résultats furent très éphémères il n'en reste pas moins que les Annamites en ont conservé plus particulièrement et très pieusement la tradition. Les deux sœurs Trưng-Trắc et Trưng-Nhị sont en effet cependant dérées par eux depuis bientôt deux millénaires, comme les libératrices de l'ancienne indépendance asservie. Ils les ont de tout temps respectées comme des Génies bienfaisants et divins qu'ils continuent à honorer d'un véritable culte. Et les assimilant à l'héroïne la plus pure et la plus noble de l'histoire de France, ils les appellent assez habituellement les « Jeanne d'Arc » du pays d'Annam. — Charles Patris, *Essai d'histoire d'Annam*, I, *L'antiquité et le haut moyen âge*, trang 109-110) gứ như thế, thì có cuộc khởi binh là do lòng dân hiết tự-chủ, chứ có phải riêng gì một đẳng cấp nào mà gọi là « đại quý-tộc ».

Ông Patris có nói: « Mãi đến người kế Tích-Quang tên là Tô Định mới nổi loạn, tức là vài năm sau khi những người quý tộc phong-kiến ở Giao chỉ đã làm cho dân cùng đồng ý

phản kháng về sự người ngoài làm chủ... » (Ce ne fut. . que sous son successeur (Tích-Quang), nommé Tô-Định qu'éclata la révolte Plusieurs années se passèrent donc, durant lesquelles la noblesse féodale de Giao Chỉ put faire partager au peuple son hostilité pour la domination étrangère... — Charles Patris, *Essai d'histoire d'Annam*, I, trang 113), chứ có phải « phong trào đẳng cấp đại quý tộc bột khởi » đâu.

Trong quyển *Việt-nam văn-hóa sử-cương* (tr. 19) ông Đào-duy-Anh cũng có chữ « ...phái quý-tộc đương bất bình với Tô-Định... hiệu triệu người Giao-chỉ nổi lên... ». Vì trong sử chữ nho của ta chép « Hai bà Trưng là con gái quan Lạc-tướng ở Mê-linh... ông Thi-Sách (chồng bà Trưng-Trắc là con giai quan Lạc-tướng Chu-diên...) cho nên ông Patris gọi là quý-tộc mà ông Đào-duy-Anh cũng gọi là phái quý-tộc, chứ trong sách không chỗ nào phân ra « đẳng cấp quý-tộc » như ông Mỹ nói ; Đã có giai-cấp quý-tộc, tất có giai-cấp bình dân, hai bên xa cách như trời với vực, thì hiệu-triệu làm sao được ? Khi đã hiệu-triệu được, tức là vua, quan và dân đều thân nhau như người một nhà, chứ không phân ra đẳng cấp gì cả.

Ông Mỹ dựa vào sách nào mà nói nước ta về thời bấy giờ có « tính cách nội bộ tranh đấu của xã-hội » (trang 10) ? Trong thời Bắc-thuộc, sở dĩ có cuộc khởi binh là vì quan lại tham-nhũng tàn bạo, mà dân ta thì muốn lấy

Thống-chế Pétain đã nói :

Sự hợp-quần của người Pháp và người Đông-dương là một điều gần-kề của tương lai hiển-hách.

lại quyền độc lập, chứ có phải là giai-cấp tranh đấu nhau đâu ! Sử sách không chép hồi nào có những sự tranh đấu như thế.

Ông Mỹ có ý chê những người sùng bái anh hùng là « chăm đưa những cá nhân lãnh tụ ra làm những tiêu tượng để hết lời ca tụng ngợi khen », rồi nói rằng : « Họ đã lầm, chỉ tin tưởng ở tài năng, ý chí siêu việt của ít nhiều cá nhân quỷ quyệt khôn ngoan » (tr. 10).

Thế là ông Mỹ không biết tôn trọng người Anh-hùng, đã là một tội, lại dám nói những bậc anh hùng ấy là « quỷ quyệt khôn ngoan », lại là một tội nữa ; thế là ông kết án với Hai Bà Trưng, nhất là ông lại đề chữ « khởi-nghĩa » ở ngoài bìa, trái hẳn với mấy câu in trong sách.

Đến lập luận thứ hai, ông Mỹ cho « cuộc khởi nghĩa của Trưng-vương là biểu thị của cuộc sung đột ở Giao-chỉ bộ một lần cuối cùng giữa văn hóa mẫu hệ đang tàn và văn hoá phụ quyền mới vững » (trang 10-11). Ông thấy sách nào chép Bà Trưng thuộc về « Văn hóa mẫu hệ đang tàn » ? Các sử chữ nho xưa nay đều chép « Bà là con gái quan Lạc-tướng Mê linh, là vợ ông Thi sách ở Chu-diên », rõ ràng có cha có chồng, mà dám bịa ra là mẫu-hệ, nhất là chữ mẫu hệ ông lại giảng làm nghĩa là « Người mẹ có thể nhiều con cái do nơi ở người cha » (tr. 23) thế mà dam gán vào Bà Trưng, thật là càn rỡ vô cùng ! Rồi ông lại nói « Về đời Đông Hán trong khi nước ta còn ở vào chế độ thị tộc mẫu hệ, đại biểu cho chế độ mẫu hệ là các lạc hầu, lạc tướng cầm đầu các thị tộc Giao chỉ » (tr. 11) thế là ông Mỹ nhận làm phong-tục xứ khác, làm phong-tục xứ mình. Về đời Đông Hán, kể từ năm Bà Trưng khởi nghĩa là năm 40 sau T. C., sử chép rằng : « Họ Hồng bàng 18 đời, cộng 2622 năm ; họ Thục 50 năm ; họ Triệu Đà 5 đời, cộng 97 năm ; bị Bắc thuộc 150 năm ; rồi đến Trưng-Vương... » : thế là nước ta lập quốc trước đời Đông Hán đã ngót ba nghìn năm, mà ngay trong đời Hồng bàng sử cũng chép rằng « Thế tử đổi phụ truyền tử viết phụ đạo », nghĩa là « đời đời cha truyền cho con gọi là phụ đạo », *Đại-Nam quốc sử diễn ca* dịch là : « Một dòng phụ đạo xưa nay, trước ngang Đường-đế (2879 tr. T. C.) sau tày Ngân-vương (257 tr. T. C.) ». Rõ ràng là theo họ cha, sao ông Mỹ lại bịa là mẫu hệ ?

Còn về cách tổ-chức trong nước bấy giờ, vua gọi là Lạc-vương, tướng văn gọi là lạc-hầu, tướng võ gọi là Lạc-tướng, con gái vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mỵ nương, (có người đọc là mệ nàng, ở hiện nay miền Thượng-du thường gọi con gái quan lang là cô nàng, và trong Huế thường gọi con gái các ông hoàng bà chúa là mệ). Mấy vùng trong miền thượng-du Hòa-bình

(*Xem tiếp trang 14*)

TÙY HỨNG

Hướng-dương

Kính tặng quê nhà

I

Hoa đẹp bao giờ hướng đất Phiên ! (1)
Nơi đây hoa đẹp hướng Thiên nhiên.
Lá bay lối vắng vương tơ chỉ, (2)
Nước chảy chuôm dài luyến bút nghiên. (3)
Đêm xuống năm cung cài bỗng nguyệt.
Chiều dâng muôn nẻo toả hương liên.
Vài ba hưu-hoạn đầu râu bạc
Gây tâm hoàng-hôn dạo khắp miền...

II

Khắp miền non nước đẹp như tranh :
Liễu dủ ly-đình mấy dặm xanh,
Đào-xá não nùng hoa rợp bóng, (4)
Vũ-lăng tha thướt lá đan mành, (5)
Chim ngơ ngác đậu trên cành trúc,
Người tuần-thơ về dưới mái gianh.
Từng dải mây chiều vương khói biếc,
Mênh mang xa vắng bụi kinh-thành.

hướng-dương giữa mùa sen nở

NGÂN-GIANG

(1) *Vương-Tường, khi còn bên đất Phiên, gieo mình xuống Hắc-thủy-giang, nhưng thân hoa vẫn trôi về bên Hán.*

(2) *Trong thôn Hướng dương, ngoài mấy người ra làm quan, còn toàn chuyên thêu-thùa, canh cửi.*

(3) *Chuôm ngay cổng thôn Dương, giữa nổi lên hai miếng đất rõ hình bút nghiên.*

(4) *Đào-xá, tên một làng bên cạnh.*

(5) *Vũ-lăng, tên « ga » hàng lỗng ngay xế trước cổng thôn Hướng-dương.*

Viễn sơn

(Dịch thơ cổ)

山色無遠近
Sơn sắc vô viễn cận.
看山終日行
Khán sơn chung nhật hành.
峰巒隨處改
Phong loan tùy xứ cải,
行客不知名
Hành khách bất tri danh.

ÂU-DƯƠNG TU

Núi xa

Màu non, xa cũng như gần,
Ngắm non, chân mãi dời chân suốt ngày.
Dáng non tùy chỗ đổi thay,
Chẳng hay núi ấy, non này tên chi.

NGUYỄN HỮU-TRÍ *dịch*

Sách giá trị

Những sự gặp gỡ của **ĐÔNG PHƯƠNG và TÂY PHƯƠNG** *của VŨ BỘI LIỆU* *Giá 6$00*

HÁT DẶM NGHỆ TĨNH *của NGUYỄN ĐỔNG CHI* *Giá 5$00*

THƠ ĐỖ PHỦ *Bản dịch của NHƯỢNG TỐNG* *Giá 11$50*

Hãy đọc

NGHÌN LẺ MỘT NGÀY (một quyển trọn bộ)
Bản dịch của MAI KHANH *Giá 5$00*

Sắp phát hành

SỬ KÝ TƯ MÃ THIÊN
Bản dịch của NHƯỢNG TỐNG

VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LƯỢC của MẬT THỂ
(giáo sư trường Sơn Môn Phật học Huế)
Tựa của ông Trần văn Giáp
(trường Viễn đông Bác cổ Hanoi)

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

BỐN NĂM TRÊN ĐẢO CÁC-BÀ

Số 4

của VÂN-ĐÀI

Phong cảnh Các-bà

Xưa nay người Nam ta đi xem phong cảnh vịnh Hạ-long đã nhiều, nhưng thật ra, biết cảnh vịnh Hạ-long rất ít. Hạ-long không phải chỉ có cái hang Đầu gỗ, hang Surprise và vài ba hang khác... Kỳ-quan của tạo-hóa ở đất nước này, cho ta thấy từ Các ba về Hongay — hơn hai mươi cây số tất cả một cảnh thiên-thai nơi hạ giới: Những non nước u tịch, những sơn thủy tùng vĩ, những cảnh đẹp mơ ảo, nhưng cao siêu. Bao nhiêu cái đẹp hoàn toàn, chọn lọc chỉ riêng nơi đây mới có thể cho ta vừa ý được, Trùng-điệp những ngọn núi xanh, không cao lắm, chẳng chịt những cây cằn cỗi với thời-gian, nhưng vẫn giữ một màu tươi mới mẻ. Các dẫy núi chia nhau, chiếm lấy một góc bể, làm một thế giới của mình, một thế-giới vô cùng kỳ tú. Những buổi trời yên sóng lặng, Các-bà lúc nào cũng êm đềm, nhưng không ủ đột. Mặt bể phẳng lặng và xanh, xa trông như một tấm thảm. Chân trời rơi xuống gần quá, bao chung quanh nước một khoảng tròn, như một vòng hoa tím-tím. Dăm chiếc thuyền đủng đỉnh tạt qua, chiếc buông câu, chiếc ghé bến. Dòng nước xanh và trong vắt, tưởng chừng không một sóng gió gì, có quyền khuấy đục tấm gương ngọc bích này.

Thế rồi cũng có lúc đổi thay. Những trận gió rít lên với một giọng vô-cùng gay gắt. Nước bể lăn lộn, lúc nào cũng như cuồng dại muốn nhảy sổ lên bờ. Các cây cối im lặng và ngay ngắn đêm qua, nay bỗng ngã nghiêng, lay động. Lũ khỉ sợ nãi núp trong hang. Đàn chim ẩm thầm tìm chỗ ẩn. Bao nhiêu cái đẹp êm-ả, huyền ảo, chỉ một cơn sóng gió, đều biến đổi ra một trạng thái khác thường. Muôn vật đành phải cúi đầu phục tòng dưới cái vô-song của Tạo hóa.

Cơn thịnh nộ của sóng gió đã qua. Tất cả cái gì cũng đều tươi lên như tỏ vẻ mừng rỡ. Cây lá xanh hơn mọi ngày. Con đường con mấy hôm nắng trông lờ mờ, sau trận mưa đêm qua, đã in rõ-rệt màu cát trắng viền hai bờ cỏ xanh, nốn cong queo trên chân núi, như con bạch xà đương bò thong-thả. Đường vào hang Vẹm, hai bên hai dẫy núi đứng ngay-ngắn như hai bức trường thành, đã lâu nắng nỏ làm khô kì an màu đá, thì nay như được ai cầm một cái thùng không lồ, tưới qua một lượt nước, cho vừa dũ mát mắt.

Hai bên thì núi, giữa thì sông.
Có phải đây là Kẽm trống không

và:

Gió thổi cành cây khua lắc cắc.
Sóng dồn mặt nước vỗ long bong

Mấy cây thơ này, phải chăng đây mới hợp cảnh?

Sở vô tuyến-điện ở trên một ngọn đồi tuy gần gũi với bến chợ hơn, song cũng phải qua một con đường chữ chi gần ba trăm thước. đứng trên ngọn đồi này, người ta có thể thu tất cả Các ba vào một khung cảnh rộng.

Bãi Cát-bẻo (baie des pêcheurs) đằng sau sở Vô tuyến điện, nơi mà các thuyền chài người Nam ưa tụ bẹp. Từ đấy người ta có thể đong thuyền vào hang Vẹm (Trou des moules) và ra Passavane. Nơi đây không còn có tên bằng tiếng ta nữa. Passavane là một khoảng có rất nhiều củ lao nhỏ rải-rác trên mặt bể. Chèo thuyền khi đã vào đây, ta chỉ còn thấy chung quanh bị bao-vây bởi những bức thành bằng núi đá. Ở đây nước thật trong, trông suốt đáy. Cây cỏ thật tươi, có rất nhiều khỉ và vượn bạc đầu. Những con vật này không còn biết sợ người, có khi còn dọa người là khác. Ra khỏi Passavane, đến bờn Con Cóc (Le crapaud) Rồi từ đấy, thuyền cứ thong thả rẽ về Hongay, dọc đường ta còn thấy biết bao nhiêu cảnh đẹp kỳ thú. Bên đây Hai nến (Les deux Chandelles) là hai tảng đá đứng ngay và rất thẳng, trên một cái chân, như chân đèn bạch lạp. Thuận đường người ta rẽ sang Les trois Cirques và các hang nữa gần phía Hongay. *(Còn nữa)*

VÂN-ĐÀI

Hộp thư

Ông Hồ q. Thám poste Phủ Ngọ Ta — Quang Trung tập I hết — ngân phiếu 16$80 sẽ xin tính cả là tiền báo.

Cả năm còn thiếu 3$20.

Trị sự

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p00 một vé

Một quyển sách...

(Tiếp theo trang 11)

Lấy còn tục các quan lang làm chúa các dân vùng ấy, thì cũng cha truyền cho con giai, chứ không có chỗ nào truyền cho con gái cả. Ông Mỹ bằng cứ vào đâu mà nói « đại biểu cho chế độ mẫu hệ là các lạc hầu lạc tướng » ? Không có lý nào trong hồi nữ quyền đang thịnh mà lại để cho người đàn ông đại-biểu và cầm đầu như ông Mỹ nói.

Ông lại nói « Giao-chỉ bộ thời ấy chưa đủ điều kiện lập làm một quốc gia rõ rệt », Sao ông học sử mà lầm đến thế ? Ông cho thế nào mới gọi là « một quốc gia rõ rệt » ? Trước hồi ấy ba nghìn năm, nước ta đã thành một nước gọi là nước Văn-lang, gọi là nước Âu-lạc, mà bên Tàu vẫn gọi ta là Giao-chỉ, là Việt-thường, cách tổ chức như địa dư thì chia trong nước làm 15 bộ, chính trị thì đặt lạc-hầu lạc-tướng dưới lại có chức bồ-chính để giúp việc, dạy dân cầy cấy thì có lạc-điền, dạy dân tránh nạn giao-long thì có tục văn thân ; ở vào một đời thái-bình vua với dân thân nhau như một nhà tưởng thế đã là đủ lắm rồi, còn phải gì nữa mà ông cho là chưa đủ điều kiện làm « một quốc-gia rõ rệt ».

Ông nói (tr. 11-12) « cỏ... cuộc khởi loạn...do một lạc hầu hay một lạc tướng cầm đầu », câu ấy ông cho vào việc nào trong sử nam ? Ông lại nói (tr. 12) việc Bà Trưng khởi nghĩa là « cuộc khởi loạn .. do nhiều lạc-hầu lạc-tướng...., một lãnh tụ đặc sắc đứng lên làm minh chủ..... khiến sử gia thời sau có thể lầm tưởng là một cuộc cách mệnh...hay một phong trào... kháng ngoại ». Câu ấy đã có ông Patris trả lời, ông đọc kỹ lại đoạn sử của ông Patris chép việc Bà Trưng thì rõ.

Ông lại kể một bọn nữ tướng của Bà Trưng, cho thế là di-tích của Mẫu-hệ. Thời nào cũng vậy, một người đàn bà đứng làm chủ, thế tất những thuộc-hạ phần nhiều là đàn bà, cái đó không lấy gì làm lạ, không có thể viện cái cớ nhiều đàn bà giúp việc là thị-tộc mẫu-hệ.

Ông thấy sách nào chép về thị-tộc mẫu hệ có nhiều người đàn bà tài giỏi ra giúp việc như thế ? Những vị anh-hùng xuất chúng như Bà Trưng, thì nước nào cũng ít lắm, chỉ khi nào trong nước có cơ-hội mới nổi lên, như bên Pháp có bà Jeanne d'Arc, bên Tàu có bà Mộc-lan, mấy nghìn vạn năm cũng chỉ có một bà mà thôi, không có thể lấy thế cho là thị-tộc mẫu-hệ.

Đến lập luận thứ ba ông Mỹ cho « lịch-sử Trưng-vương...., là một huyền-sử..... một thần thoại quốc gia. Các nhà chép sử Trưng-vương phần nhiều dựa theo thần tích, vì quá chủ quan thiên vị quốc gia » (tr. 14). Ông nói thế, sao ông lại dẫn Man-Thiện, Thánh-Thiên, Bát-Nàn, Lê-Chân và Nguyễn Đào-nương để làm chứng cớ thị-tộc Mẫu-hệ ? Chính trong việt-sử chỉ chép có một mình bà Lê-Chân mà thôi, còn những bà kia đều là chuyện trong thần tích cả : đã chê người ta dựa theo thần tích, sao ông lại dẫn thần-tích để làm chứng cho cái thuyết của ông ?

Ông đã cho tài-liệu về lịch sử Trưng vương nhiều, khiến người đọc hoài nghi, rồi ông lại viết thêm một đoạn rằng : « năm canh-tý (40) các thị tộc mẫu hệ ở Giao-Chỉ bộ khởi loạn, đánh đuổi quan Thái-thú là Tô-Định, một người đàn bà là Trưng-Trắc được lập làm vua. Năm quý mão (43), Trưng-Trắc bị tướng nhà Hán là Mã-viện sang đánh, quân Hán, tướng chết ở vùng Cấm khê. Văn hóa phụ quyền và chính trị quân huyện hoàn toàn chiến thắng ở Giao-Chỉ » : thế là ông chế tài-liệu nhiều làm cho hoài nghi, mà ông lại bịa thêm một đoạn những Mẫu hệ, phụ quyền, để người ta hoài-nghi thêm !

Nói tóm lại, lập luận của ông đều là hỏng cả. Nhưng trong bài tự luận, ông có những câu « Hai Bà đã lên làm vua một nước độc lập, do sức chiến đấu và tài thao lược của mình. Anh-quốc..., Nga-quốc..., Trung-quốc có nữ hoàng... so với hai bà Trưng còn kém nhiều... » (tr. 13-14), tức là những câu khen. Nhưng chỗ thì chép là di-tích của hình thức Mẫu hệ, chỗ thì chép là « khởi loạn », chỗ lại chép là « khởi nghĩa » : trong một bài mà mỗi chỗ nói một khác, thì không gọi là « lập luận » được.

Đây là mới chữa những chỗ sai ở trong bài tự luận, còn trong quyển sách kỳ sau sẽ xét nốt.

***

Dưới quyển sách, có mục *Văn mới lạp trở* nói về bài tôi phê-bình quyển *Xã hội Việt Nam* của ông Lương đức Thiệp. Tôi có trách ông Thiệp về đoạn mẫu-hệ, đại-khái cũng như trên kia ; tôi lại trách ông gọi các cụ đời xưa là « họ » và viết câu « Người Việt-nam *xưa* chỉ còn biết cầu hòa, lạy lục hay van lon... ». Tôi có sao dùng nguyên-văn, đánh dấu than (!) vào những chữ sai v*

viết một câu rằng « ... *về sau* có ông Trần-bình-Trọng *đời* Trần ... ». Nay *Văn mới* chép lại, bỏ dấu than, bỏ chữ « về sau », rồi bảo tôi dẫn sách « thiếu thành thực » !

Sở-dĩ tôi phải trách ông Thiệp là vì ông nói gồm cả « người Việt-nam *xưa* » và nói giọng người nước khác, chứ không phải giọng người nước Nam. Ông lại « mượn » bài *Ông Nghè triều Lê* và nói sai nhiều lắm. *Văn mới* muốn trả thù hộ ông, nhưng lại làm rõ cái lỗi của ông ra và của *Văn mới* nữa. Như câu ông nói « Người Việt-nam cổ sơ *bỏng* quan niệm đến thuyết linh hồn (hay vật linh) », *Văn mới* đổi chữ « *bỏng* quan niệm » làm « *không* quan niệm » : thế mà *Văn mới* dám nói đến « thành thực khi dẫn sách » !

Sau không biết nói thế nào để gỡ tội, *Văn mới* đem *Thanh niên* ra để cầu cứu ! Nhưng *Thanh niên* cũng mắc phải những tội như *Văn mới* : cũng trích sai, cũng bẻ xẳng, cũng nói vu-vơ. Có khác nhau, chỉ khác có một chỗ là *Văn mới* thì thú trước, mà *Thanh niên* thì thú sau ; thú trước ở chỗ dẫn bài *Ông Nghè* vào *Văn mới* số 22-23, « mượn » bài *Ông Nghè* vào *Văn mới* số 34-35, dẫu vào đấy rồi lại hỏi bài *Ông Nghè* « không có ích gì ? » Còn *Thanh niên* thì hỏi chữ « chẳng thà là nói nghịch lại (!) với ý muốn (!) của mình sao ? », nhưng sau phải chịu thú là « cũng dùng lẫn với... chữ thà » !... Hèn nào ta có câu « Đồng loại tương tập », mà tây có câu « Giống nhau thì hợp nhau » (Qui se ressemble s'assemble) !

Nhưng *Văn mới* chưa tin sức ủng-hộ của *Thanh niên*, nên mới kéo đến độc-giả, nói rằng : « các bạn độc giả nào đã đọc những bài phê bình của cụ hầu đã thấy rõ cả đúng hay không » Độc-giả thấy rõ lắm, nên thường gửi thư cho tôi để khuyến-khích. Tôi trích đăng dưới này một bức thư của ông Đỗ-văn-Lim ở Thanh-hóa, đề ngày 25 tháng 7 tây. Bức thư ấy dài đến bốn trang giấy lớn, tôi chỉ trích mấy câu như sau : « Hôm nay hai số báo *Tri Tân* 150-151 cùng đưa đến trong một lúc, trong đó hai bài tiên sinh nói về quyển *Xã hội Việt nam* và quyển *Nguyễn công Trứ* xin thú thực là hai bài ấy đã làm cho tôi sung-sướng vô cùng, sung sướng hơn là khi được hưởng vật gì thiếu-thốn trong thời-kỳ chiến-tranh này. Tôi tự biết ý nghĩ tầm-thường, là sự bực tức khi đọc sách ấy và sự tiếc tiền của các em tôi mua sách ấy đã được giải thú ở hai bài của tiên sinh, thật là lỗ nhữ g lúc cáu kỉnh và có ý bất nhã với tác-giả hai quyển sách ấy. Mỗi khi đọc, ngoài sự căm-tức cho người xưa, lại... sợ các em tôi hóa theo lối văn ấy thì khổ làm rồi chúng tôi ! Tôi phải viết thư riêng này cho tiên sinh, vì có vài người em ở nhà quê đương mải mua sách báo để gộp lại tủ sách gia đình đầy đủ : chúng chả có cách gì mà biết trước được sách hay hay dở, thứ nhất là những quyển dở lại thường đặt cái tên cho hay, thì ai là người ham học mà chả bị lừa ngay ? Vậy muốn cho dân-chúng khỏi bị lầm chỉ có cách là tiên sinh phải chịu khó làm việc về lối phê bình ngay hai bài kia ; các lối khác thì tiên-sinh làm ít thôi ; hễ có quyển nào ra thì tiên-sinh phê bình ngay để chúng tôi khỏi bị lầm... »

Thiết-tưởng ở-xử thế cũng đủ trả lời cho *Văn mới*. Hiện giờ tôi còn bốn năm chục bức thư dài khái như thế ; tôi xin phép độc-giả trước : mỗi khi *Văn mới* cần đọc, tôi sẽ trích đăng.

(Còn nữa)

Ứng hộ NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐÃ PHÁT HÀNH :

1 — QUANG TRUNG (TẬP II)

của HOA-BANG HOÀNG THÚC TRÂM

Giá : 8$00

2 — THƠ NGỤ-NGÔN LA FONTAINE

của CAGH-CHI phiên dịch

Cụ Ứng-hộ Nguyễn văn-Tố đề tựa :

« ... Những cái hay ấy ông Cách-Chi đã dụng công « phiên dịch, vẫn hay rằng nghề dịch bao giờ cũng khó « nhưng dịch được như thế này đã là khéo lắm »

Giá : 2$00

Nhà xuất bản :

TRỊNH-NHƯ-LUÂN

121, Chanceaulme — Hanoi

ÍT THƠ TRÀO PHÚNG CỦA NGUYỄN-VĂN-GIAI

Khái-sinh DƯƠNG-TỰ-QUÁN

NGUYỄN văn Giai, tục gọi Ba Giai người làng Hồ-khẩu, huyện Vĩnh-thuận (tức huyện Hoàn-long bây giờ), ngay từ thuở nhỏ, đã là một cậu học trò rất thông minh nhưng sắc sược. Khi nhớn lên, nhân lúc nước ta gặp cảnh lầm than, nên tuy học giỏi, ông cũng chẳng tuí-cử gì. Sau, tuổi ông càng cao thì ông lại càng bướng bỉnh, hiếu lĩnh, cả ngày chỉ rượu chè đàn đúm. Rỗng túi nhiều lần cạn tiền, ông thường phải đến các nhà quen thuộc vay mượn. Các nhà ấy phần nể ông là người có tài lỗi lạc, phần sợ ông hay thù vặt, nên nhiều khi tuy muốn lánh xa nhưng vẫn phải giúp đỡ. Tính thù vặt ấy bấy giờ đã làm cho cả người quen biết ông phải kiêng ông đến nỗi đặt 2 câu vè này để tự răn:

Hễ ai mà nói dối ai, (1)
Tối ba mươi tết, Ba-giai vào nhà.

Chứng thực là có một nhà kia, ông đến hỏi vay tiền, nhà ấy không cho vay, ông mới nghĩ kế báo thù:

Chiều 30 tết, ông thân đến nhà buôn đồ sứ đặt mua tiền cỗn con, bảo sớm hôm sau, đúng mồng một tết thì cho khiêng một bộ áo quan lại nhà ở chỗ ấy, tên là thế.

Sáng hôm sau, nhà kia đang chờ người « xông đất » thì lù lù hai anh cu-li khiêng một cỗ quan tài đến, đi theo là người chủ hiệu. Nhà kia hoảng hồn lỏi ra mới rõ là ông Ba-giai « chơi khăm » để rủa mình, tức quá, không biết làm thế nào, đành phải nói lại với người chủ hiệu kia.

***

Ông có một người bạn chí thân tên là Đàm, người làng Mẻ (tức làng Hương-mặc bây giờ) được sung chức tri-huyện huyện Thọ-Xương ở tỉnh Hà-nội. Quan huyện từ khi được làm quan, sợ ông Ba-giai đến chơi luôn sẽ gây nhiều chuyện khó chịu, mới nghĩ kế xa ông:

Một đêm, quan huyện sai lính đi tìm ông đến đưa cho xem một cái trát có dấu đỏ lòe nói là trát tỉnh tư bắt ông; chỗ bạn thân, ý quan muốn ông trốn đi chứ cứ nấn ná ở lại e mang họa vào mình. Quan huyện lại đưa giúp ông một nén bạc. Ông theo lời trốn sang tỉnh Bắc.

Được hơn một tháng, ông nghe chẳng thấy động tĩnh gì, biết đó là cái mưu của quan huyện Mẻ, căm tức vô ngần, bèn nghĩ cách báo thù.

Khi ấy, có quan quân Tàu đóng tại Hà-nội, tướng tàu là Phùng-Tử-Tài, không biết có việc gì đến huyện nha Thọ-xương, hỏi han gì quan huyện, quan huyện ứng đối thế nào đến nỗi viên tướng tàu kia phát khùng, giải sang tỉnh Bắc. Ông Ba Giai bấy giờ mới làm một bài thơ chế riễu quan huyện Mẻ trong có câu:

. . . . . .

Nguyên Súy chú Phùng ngâm « sác lộ » (2)
Đại thần quan Võ hỏi làm răng (3)

Sau, quan huyện được tha về và phục chức. Chính sự ngài có thay đổi nhiều, mà trong sự thay đổi ấy có việc « cấm dĩ ». Ông Ba-giai được thể, làm một bài thơ:

Nhà tiệm phen này liệu bảo nhau:
Có tờ yết thị cấm thanh lâu!
« Lạn phố (4) *tếch thẳng về quê trước,*
« Hủ hạt » (5) *mau chân lên cửa sau.*
Quần của chị em thôi xếp lại,
Lễ đem tổng lý kịp đưa mau
Khoáng phu oán nữ-oan thì khiếu,
Tang bộc từ xưa có cấm đâu?

Ấy văn chương ông Ba-giai đại loại có giọng trào phúng như thế cả.

***

Lại, năm Nhâm-ngọ (1882) thành Hà nội bị hạ lần thứ hai. Quan tổng đốc Hà-nội bấy giờ là ông Hoàng Diệu vì giữ thành không được, phải tự tận, còn các quan văn võ khác phải bỏ chạy cả. Ông Ba Giai có đặt một bài ca « *Chính khí* » khởi đầu bằng những câu này:

Một vừng chính khí lưu hình,
Khoảng trong giời đất nhật tinh sơn hà,
Hiệu nhiên ở tại người ta,
Tấc vuông son sắt hiện ra khi cùng.
Nên thua theo vận truân phong,

Nghìn thu lừng tiếng anh hùng sử xanh,
Có quan tổng đốc Hà-Ninh,
Tên là Hoàng Diệu trung trinh ai bằng,

. . . . . .

Rồi ông tả đến việc hai bên đánh nhau thế nào, rút cục quân ta thua như sao, ông than :

« Nào ai sức khoẻ gan liền ?
Nào ai gìn giữ vững bền ba quân ?
Nào ai còn có kinh luân ?
Nào ai nghĩ đến thánh quân trên đầu ?
« Mỗi cơn gió thảm, mưa sầu,
Nấu nung gan sắt, giải-dầu lòng son.
Chữ trung đã rắp vuông tròn,
Quyết đem gửi cái tàn hồn gốc cây.
Giời cao bể rộng đất dày,
Núi Nùng sông Nhị chốn này làm ghi.
Thương ôi ! trong buổi tưu ly,
Tấm riêng ai chẳng thương vì người trung !
Rủ nhau tình nghĩa thủy chung,
Rước người ra táng ở trong học đường.
Đau đớn nhẽ, ngẩn ngơ nhường,
Tả-tơi thành quách, tối-tăm cỏ hoa !

. . . . . .

Quan Tổng-đốc Hoàng tuẫn tiết rồi, có tin quan đề-đốc cũng tuẫn tiết theo, ai ngờ đó là một tin dồn sai :

Thế mà nghe nói mơ hồ,
Rằng quân đề-đốc xuống hồ cửa Tây.
Người rằng treo ở cành cây,
Người rằng hẳn xuống giếng Hày chẳng sai.
Xét tìm ngày mất, ngày hai,
Định rằng hợp táng ở nơi học-đường.
Hỏi ra sau mới biết tường :
Cùng loài ủy tử cùng phường thân sinh !

. . . . . .

Ông khinh bỉ quan đề-đốc, ông cũng không thể không trách quan tuần phủ :

Văn như tuần-phủ nực cười,
Binh Tri là hiệu, sau mươi luổi già.
Biết bao cơm áo quốc gia,
Chiến trong sĩ lịch cũng là đại viên
Chén son chưa rảo nhời nguyền,
Nỡ nào mà lại quên liền đi ngay !
Lại còn lần quất chi đây,
Hay là thương tiếc nhẩy may của đời ! (6)
Hay là tiếc cái xuân xanh,
Hay là cậy chút khôn hình tử thân ?
Ngổn ngang nghĩ nỗi xa gần,
Rắp toan tịch cốc mấy lần lại thôi.
Sao không biết xấu với đời
Sao không biết thẹn với người trung quân
Đã quốc tộc, lại vương thần,
Cũng nên hết sức kinh luân mới là.
Non nước vẫn nước non nhà,
Sao mà để mất một toà Thăng-long ?
Biết cơ liệu đã chẳng xong,
Lại còn mở mặt trong vòng trần gian.

. . . . . .

***

Về quan Đề, ông Ba giai còn một bài thơ tụng rằng :

Nhắc cân Thái lĩnh với hồng mao, (7)
Nghe nói quan Đề khẳng khái sao !
Thất cổ tay đà vin xuống thấp,
Trăm mình đầu lại ngóc lên cao.
Sờ lưng tìm thuốc rơi đâu mất,
Lấy hốt làm gươm thích chẳng vào
Tử bất tử ngồi ngơ ngẩn mãi,

(Xem tiếp trang 21)

1) H.B. chua — *Hoặc là* ; Ai nói đối ai : Ba-giai vào nhà ! »

2) *Tiếng tàu, nghĩa là « giết đi ».*

3) *Võ đây chỉ Võ Trọng-Bình, người Trung kỳ, khi ấy, đương làm tổng đốc Hà-nội. « làm răng » là tiếng Trung kỳ, nghĩa là « làm gì ? »*

4) *Tiếng Tàu nghĩa là « dĩ thôi ».*

5) » » » « *Khách tử tế* ».

(6) H. B chua. — *Câu này xuất vận, chắc là truyền tụng sai Vậy ngài nào nhớ đúng, xin làm ơn chỉ cho*

7) *Thái lĩnh là núi Thái, Hồng mao là lông hồng ; do câu : nhân có hữu nhật tử, thể hoặc trọng ư Thái-Sơn, hoặc khinh ư hồng mao, nghĩa là : người ta ai cũng chết, chết hoặc coi nặng như núi Thái, hoặc khẽ như lông hồng ; có ý nói mình có khi vì nghĩa vụ mà chưa được chết thì phải coi chết làm to, có khi vì nghĩa vụ mà phải chết thì phải coi cái chết làm nhỏ. Ông đề đốc (tên là Lê-Chính) đáng nên chết, lại giả tảng tự tử để khẳng chết, coi chết làm-to nên ông Ba-Giai dùng câu này, nghe thực thú ! !*

Giá báo

1 năm	20 $ 00
6 tháng	11 , 00
3 tháng	6 , 00
Mỗi số	0 , 50

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 64

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều (*bài rốt*)

Phường-bản của Quan-văn-đường, (tờ 61 b) chép « Quản chi trên gác dưới duyềnh, Cũng toan sống thác với tình cho xong ». *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của Bác-cổ, số A B 233, tờ 56 a) chép là « Quản bao lên gác xuống duyềnh ». Kinh bản của cụ Kiều-oánh Mậu (*Đoạn trường tân thanh*, tờ 49 b) và *Vương Kim diễn tự* (bản sao của trường Bác-cổ, số AB 234, tờ 56 a) chép là « Quản chi lên thác xuống ghềnh ». Mấy câu đều có nghĩa cả, duy câu « lên gác xuống duyềnh » không thuận nghĩa. Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh in năm 1920, tr. 127, chép là « Quản chi lên thác, xuống ghềnh », bản in năm 1943, tr. 482 chép là « Quản bao lên thác xuống ghềnh ».

— Phường bản, hai bản quốc-ngữ và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Thiền-trà cạn nước hồng mai, Thong-dong nối gót thư-trai cùng về ». Kinh bản chép là « Thiền trà cạn chén hồng-mai. » Chữ chén với chữ nước tuy đồng nghĩa, nhưng chữ chén mới phải : nhà chùa dùng vỏ cây mơ làm trà, cho nên gọi là trà hồng-mai. Nhưng *Kim Vân Kiều chú* lại chú « Hồng-mai là tên hiệu trà, cũng như Ô-long, Liên-tử, v. v. »

— Các bản đều viết « Nàng càng e-lệ ủ ê, Rỉ tai hỏi lại hoa-tì trước sau » ; duy kinh bản chép là « Kề tai hỏi lại hoa-tì trước sau ».

— Ba bản nôm và hai bản quốc-ngữ đều viết « Hoa rằng : Bà đến đã lâu. Bón chân đứng nấp độ đâu nửa giờ ». Kinh bản chép là « Dừng chân đứng lại độ đâu nửa giờ ».

— Câu « Ấy mới gan, ấy mới tài, Nghĩ càng thêm nỗi sởn-gai rụng-rời », các bản nôm cũ viết chữ sởn-gai ra chữ đằng-cay. Cụ Kiều-oánh Mậu chua rằng : « Sởn-gai là sờ trên da có gai như đầu hạt thóc, nghĩa là sợ quá ; phường-bản chép là đằng-cay thì không phải nghĩa ».

— Các bản đều viết « Người đâu xâu-sắc nước đời, Mà chàng Thúc phải ra người bỏ tay ». Cụ Kiều-oánh-Mậu chua rằng : « Có bản chép : « Thảo-nào chàng Thúc ra người bỏ tay » và khen rằng : « câu ấy hay lắm. »

— Câu « Tiếng gà điểm nguyệt, dấu giầy cầu sương » do bài thơ *Tảo-hành* (Đi sớm) của Đinh-Duân đời Đường : « Thần khởi động trinh đạc, khách hành bi cố hương ; kê thanh mao điểm nguyệt, nhân tích bản kiều sương », nghĩa là « sớm dậy động tiếng mõ sang canh, Khách đi đường nhớ làng cũ; tiếng gà nơi điểm cỏ bóng giăng xuyên, dấu chân người đi trên ván cầu có sương sa ». Vì điểm cỏ có giăng xuyên, nên có bản viết là điểm cỏ hoặc điểm nguyệt, đều được cả.

— Các bản nôm và quốc-ngữ đều chép là « Xem qua sư mới dạy qua, Phải nơi Hằng-thủy là ta bậu-tình » ; duy kinh-bản chép là « Xem rồi sư mới dạy qua ».

— Bản quốc-ngữ cũ (1920 tr. 132) chép là « Cửa thuyền vừa tiết cuối xuân, Bóng hoa rợp đất, sẻ Ngân ngang trời ». Phường-bản và chú-thích chép là « Cửa Thiền vừa đã cuối xuân ». *Vương Kim diễn tự* chép là « Cửa Thiền vừa hội cuối xuân ». Quốc-ngữ mới (1943, tr. 504) chép là « Cửa thuyền vừa cứ cuối xuân ». Bản nôm của cụ Kiều-oánh Mậu viết chữ « nhật » bằng chữ « cợ » : chữ ấy có lẽ đọc là « cợ » thì hay hơn : « Cửa Thiền vừa cợ cuối xuân ».

— Phường-bản, chú-thích và *Vương Kim diễn tự* đều chép « Rỉ tai nàng, mới giãi lòng : Ở đây cửa Phật là không hẹp gì » Kinh-bản và quốc-ngữ mới chép « Rỉ tai mới kể sự lòng ». Quốc-ngữ cũ chép là « Rỉ tai mới kể thực lòng ».

— Phường-bản, chú thích, *Vương Kim diễn tự* và bản quốc-ngữ mới (tr. 508) chép « Lánh xa trước liệu tìm đường, Ngồi chờ nước đến nên đường còn quê. Kinh-bản chép là « Ngồi chờ nước đến bằng đường còn quê ». Bản quốc-ngữ cũ (tr. 134) viết là « còn khuya ». Các chữ nôm thì đều viết chữ « khuê » : đọc là « khuya », đọc là « quê » đều được cả ; nhưng có lẽ đọc là « khuya » phải nghĩa hơn, tức là còn chậm ; còn như chữ « quê » nghĩa là quê mùa, nếu đặt vào đây, ý-nghĩa câu-kỳ quá. Lại có bản chép chữ « nên đường » là « chân giường », nhưng thiết-tưởng hai chữ « đường » cùng nghĩa chữ « nhường », thế thì nên đọc « ngồi chờ nước đến chân, đường còn khuya ».

***

Mới đây ông Kiệm-tử có gửi lại báo *Tri Tân* bài sau này :

Cô Kiều đáng giá bao nhiêu?

Gặp cơn gia-biến, cha nàng bị bắt, Kiều phải bán mình cứu cha. Họ Chung đứng ra lo liệu:

« Tính bài lót đó luôn đây
Có ba trăm lạng việc này mới xong. »

Tiền chạy-chọt hết *ba trăm lạng*

Người đến mua Kiều xem sắc, thử tài, rồi mà-cả:

« Có kẻ bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm. »

Kiều đã bán mình lấy *ngoài bốn trăm lạng*

Bọn cò buôn, mua được Kiều, sở sắc có tài, bèn đem về lầu xanh, chắc: « vương-tôn quí-khách ắt lạ đưa nhau »; họ mới tính mầm:

« Hẳn ba trăm lạng kém đâu,
Cũng đà vừa vốn còn sau lãi lời. »

Họ bảo thu về được *ba trăm lạng* là đủ vốn.

Nhưng họ đã mua Kiều những *ngoài bốn trăm lạng*:

« Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm. »

Vậy Cô Kiều đáng giá bao nhiêu?

Dám mong các Độc-giả trong nước chỉ giáo cho, tôi được đội ơn vô cùng.

Trả lời

Ông Kiều tử cho là bọn cò buôn tính mầm « Hẳn ba trăm lạng » mà mua đã « ngoài bốn trăm », chỉ nên ông có câu hỏi « đáng giá bao nhiêu? » nhưng về đoạn Thúc-sinh chuộc Kiều ra, có câu « Rõ ràng của dẫn tay chào, hoàn lương một thiếp thân vào cửa công ». Kinh-bản của cụ Kiều-oánh Mậu tên là *Đoạn trường tân-thanh* (tờ 35 a), trên thượng-tầng có chú rằng: « chỗ này cụ Nguyễn-Du « tính bút » (bỏ bớt đi). Nguyên giá 450 lạng, thêm 50 lạng lại 100 lạng cầy lấy thầy chữ cho (*Thanh tâm tài nhân*, bản sao của Bác-cổ, số A 953, q. 3, tờ 14 b 15 b) cũng chép khi Thúc-sinh chuộc Kiều « đưa cho Tú-bà 450 lạng, Tú bà đòi thêm, Thúc-sinh đưa 50 lạng nữa, lại đưa 100 lạng là Vệ hoa đường (ơn tiền thầy thợ) »; thế là khi Thúc-sinh chuộc Kiều tốn đến 600 lạng bạc, sau Kiều lấy Hoạn-thư bành bạc chốn đi lại bị vào lầu xanh của họ Chung, Tú Bà chỉ cộc có ba trăm lạng.

« Sự lòng ngỏ vở bằng nhân, ba trăm tự tại nguyện phần chẳng hoàn »

Nhưng đây toàn là chữ ở lúc « tòng quyền » giả không nhất định, nay muốn định giá cô Kiều, thì có những câu này: « Một cười nghìn lẻ nghìn tăng chẳng ngoa » (*Kiều*, bản quốc-ngữ của ông Vinh, in năm 1943 tr. 216, câu 826); — « Thân nghìn vàng để ở danh nhà hồng » (tr. 222, câu 851); « Nghìn vàng thân ấy để lòng bỏ sao » (tr. 670, câu 2804).

Vậy giá cô Kiều « một hai nghiêng nước nghiêng thành », không lấy số tiền mà định được.

(*Còn nữa*)

Dịch-hóa NGUYỄN VĂN-TỐ

Chu-văn-An

(*Tiếp theo trang 6*)

vui vẻ nên con. Sau lại vời cho làm quan không chịu làm. Vì đã rõ thời cơ tỉ ở cục, không chịu để tiết thơm lấy công bằng.

« Thạp ôi! Đời thánh hiền đã xa, không có ông làm gương thì kẻ hèn sĩ lấy ai làm Thái sơn (3)? Thời hèn sĩ đã tệ không có ông cao-thượng thì kẻ sĩ phu lấy ai làm nề nếp? Ông lúc mất đặt hiệu là Văn-Trinh, thế không phải là hư danh vậy. Nghĩ năm phẩm gì ở tuổi là xứng đáng! Thế vậy, tiếng tăm của ông cùng với sông Thanh-Sơn còn chảy dài mãi. Trăm đời về sau hương thơm không dứt, hà chẳng phải dự gia đình nữa rư? Sông mấy hàng chữ này khả dĩ dung thì đạo-đức, sự nghiệp, tiếng danh khí tiết của ông lại càng rõ rệt thêm, khiến cho người sau mất thấy phải mộ, phải theo phải sùng, phải ngưỡng mộ để khích bung hiền sĩ, một để sửa thói sơn tính. Thế thì đọng mộ bia này cũng có quan hệ đến vận đời, phó nên chép »

(*Trích từ nguyên Danh nhân liệt truyện sắp xuất bản*)

NHẬT NHAM

(3) Một quả núi rất cao ở Trung hoa. Nói bóng là lần khuôn mẫu cho người ta noi theo.

2e édition

CENT RÉDACTIONS CORRIGÉES AU CERTIFICAT D'ÉTUDES COMPLÉMENTAIRES INDOCHINOISES

par MM. Trần-Huy Cơ et Ng-Huy Hoàng, Instituteurs
(Ouvrage adopté par la Commission des manuels scolaires)
Prix 2$00 — Port recommandé 0$32
Librairie Đông Tây, 195 Rue du Coton — Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT SỰ

Số 41 *Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXIX — Mười hai sứ quân

(bài nối)

Kỳ trước tôi đã lấy thần-tích làng Đông-phù-liệt, tổng Nam-phù, huyện Thanh-trì tỉnh Hà-đông, chép chuyện sứ-quân Nguyễn-Siêu; trong nói Nguyễn-Siêu có ba anh em: anh cả là Nguyễn-Khoan giữ Tam-đái (Sơn-tây), anh thứ hai là Nguyễn-thủ Tiệp giữ Tiên-du (Bắc-ninh), còn Nguyễn Siêu là em út giữ Tây-phù-liệt (Thanh đàm, tức Thanh-trì). Nay xem thần-tích mấy làng ở huyện Tiên-du, thấy chép chuyện Nguyễn-thủ Tiệp hơi khác với thần tích làng Đông-phù-liệt, mà có đoạn so với sử *Khâm-định* giống nhau. Vậy lược dịch như sau này:

Tương truyền ở quận Ba-an bên Tàu, có một nhà lệnh-tộc, họ Lã, tên Thanh, vợ họ Nguyễn, tên Nguyên, sinh được một gái hai giai. Vợ chồng Lã Thanh đóng thuyền làm nghề buôn bán. Con thứ hai thiên-tư dĩnh ngộ, tính-hầm thông minh tuổi tuy nhỏ mà hàm học, nhà làm nghề buôn bán mà một mình có chí thi thư. Năm mười-chín tuổi, thân-mẫu (tức Nguyễn-thị Nguyên) từ trần, Lã-Thanh mới đặt tên cho là Tiệp.

Đến năm Lã Tiệp ba mươi-mốt tuổi, là năm cuối cùng đời Ngô Nam-tấn (965), trong nước nổi loạn, mỗi người chiếm cứ một khu, tôn vua lập chúa, xưng bá xưng hùng, chưa ai nhất-thống. Bấy giờ Lã-Tiệp đang làm thái-thú quận Nhật-nam, đứng vào thứ hai trong mười hai sứ-quân.

Vận nước đã suy, ngôi nhà Ngô sắp mất, Lã-Tiệp đi tuần hành trong nước. Một hôm đi đến cõi đất huyện Tiên-du, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc, thấy địa-thế rộng-rãi mà hiểm-trở, non sông vây bọc xung quanh, bèn chia quân lập thành đồn trại, xây dựng nhà cửa cho dân ở, tự đổi họ Lã làm họ Nguyễn, gọi chỗ dân-cư ấy là Nguyễn-xá-trang. Nhân-dân an-cư lạc-nghiệp, thóc lúa được mùa. Già trẻ trong trang đều được nhờ ơn, tôn Nguyễn-Tiệp là Ba-an thái-lão quân, Nguyễn Lệnh-công. Từ bấy giờ ân oai ra khắp trong quận, đức trạch thấm khắp các châu, từ ham sang bắc, hết thảy thần phục, xưng làm thần-tử.

Sau khi Đinh Tiên-hoàng lên ngôi (968), sai Đinh-tướng quân (tức Nguyễn Bặc) đem quân đến đánh. Nguyễn-Tiệp đem quân ra chống cự, trải ba bốn trận. Sau Nguyễn-Tiệp lui quân về cửa Cảnh-hải (tức cửa Cờn) thuộc trang Hương-ái, huyện Đông-thành, phủ Diễn-châu, trấn Nghệ-an. Đánh nhau một trận dữ dội, Nguyễn-Tiệp bị thua rồi mất ở trang Hương-ái, ngày mười chín tháng hai.

Sau dân trang Nguyễn-xá mộng thấy Nguyễn-Tiệp cưỡi ngựa về chỗ cung sở trong trang. Sáng hôm sau gặp nhau, ai cũng nói mộng thấy như thế, đều hội họp ở chỗ cung đồn cũ để làm lễ, thì tương truyền rằng tự-nhiên có giọt máu rơi xuống đấy: nhân dân cho là việc lạ, liền sửa lễ cầu linh ứng, thì giáng bút vào đồng-tử một bài thơ bằng chữ nho rằng:

«Thập nhị sứ hề, đệ nhị quân! Kim thừa sắc mệnh chưởng phương-dân. Ngã lưu huyết điểm vô cùng khánh, khả ái ngô-dân, phúc lộc quân».

Nghĩa là: « Mười hai sứ-quân, ta đứng vào thứ hai! Nay vâng sắc-chỉ thiên-đình sai coi dân xứ này. Ta lưu lại giọt máu, ấy là cái phúc vô cùng, dân rất yêu của ta được phúc lộc đều đều ». Viết xong thơ, tự nhiên thăng mất. Nhân-dân y theo chỗ có giọt máu lập đền để cúng tế.

Đến đời vua Lê Đại-hành (980-1005), có bọn Quách tiến là tướng nhà Tống sang xâm lấn nước ta. Vua Lê sai sứ đem quân đi đánh Tống. Quan quân đi qua trang Nguyễn-xá, chủ-tướng vào đền mật đảo, quả nhiên linh ứng, có sức âm phò. Sau khi giặc Tống đã tan, chủ-tướng đem việc ấy tâu vua, vua Lê cho là có công mặc-trợ, sai quan đem sắc-chỉ tới trang ấy, truyền nhân-dân sửa đền thờ, ban cho trang Nguyễn-Xá mười hai quan tiền công để làm hương-hoả, sắc phong làm Đương-cảnh thành-hoàng đô-thiên hộ-quốc linh-ứng, Nguyễn Lệnh-công thượng đẳng-thần (lược theo thần-tích làng Tiên-xá, tổng Nội-viên, huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh. Hàn-lâm-viện đông-các đại-học-sĩ triều Lê là Nguyễn-Bính soạn năm thứ 4 hiệu Hồng-phúc (1572). Quản giám bách-thần tri-điện, Hùng-lĩnh thiếu-khanh là Nguyễn-Hiền sao lại năm thứ 3 hiệu Vĩnh-hựu (1737).

Thần-tích xã Trung-quang, tổng Thụ-phúc, huyện Tiên-du, chép thêm một đoạn như sau này: Nguyễn Lệnh-công Chiêu-cảm phu-hựu hoằng-nghị vĩ-lược phong-công hiển-tích đại-vương, họ Nguyễn, tên là Thủ-Tiệp (từ trên chưa thấy chép chữ thủ, đến đây mới có) tức là một sứ-quân trong mười hai sứ-quân. Mình cao tám (?) thước ta, tiếng vang như

chuông, ai nghe cũng sợ hãi, nguyên là thứ-sử châu Đường (thần-tích làng Tiên-xá chép là thủ Nhật-nam) cuối đời Ngô Nam-Tấn (965) trong nước đối loạn, mỗi người chiếm cứ một khu, tự sưng hùng-trưởng. Bấy giờ Thủ-Tiệp cũng nổi dậy, xưng Nguyễn Lệnh-công, chiếm cứ toàn hạt Tiên-du, xưng Ba-an quân Thái-lão lệnh-công, có mười vạn quân (?) oai thanh càng ngày càng nổi, từ Lạng châu về phía bắc đều hàng phục, sau chiếm cứ cả quận Vũ Ninh, (nay Bắc-ninh) sưng Vũ-ninh vương. Đến khi bị Đinh Tiên-hoàng dẹp, mất làm thần, nhân dân lập đền thờ cúng. Trang Nguyễn-Xá là chỗ sinh-thời Lệnh-công thường ngự, cho nên khi mất, nhân dân cảm công đức lập đền thờ.

Đoạn này so với đoạn trên hơi khác, nhưng so với sử *Khâm-định* thì hơi giống. Sử *Khâm-định* chép rằng:

« Nguyễn-thủ-Tiệp có hiệu là Ba-an-quân, người cao, tiếng to, ai nghe cũng sợ, người ta gọi là Lôi-công (ông sấm), đến khi khởi binh xưng là Nguyễn Lệnh-công, giữ huyện Tiên-du, sau kiêm tính cả quận Vũ-Ninh, xưng Vũ-ninh vương, người xứ nào không rõ». (*Khâm-định Việt sử, tiền-biên* q. 5, tờ 30a.) Cứ như thế, thì trong chính sử chép Nguyễn-thủ-Tiệp có hiệu là Lôi công, mà thần-tích hai làng mà không chép đến.

Thần-tích xã Tràng quang cũng do Nguyễn-Bính soạn năm 1572, Nguyễn-Hiền sao lại năm thứ 6 hiệu Vĩnh-hựu (1740).

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Nguyễn van Giai

(*Tiếp theo trang 17*)

Hỏi thăm quan bố (8) chạy nơi nào?

Toàn bài tả cái tình cảnh quan đồ muốn chết mà chết không được: toan thắt cổ nhưng tay lại vin giây thừng xuống thấp, định tự trầm nhưng đầu lại ngóc lên, cứ phân vân nghĩ ngợi, không biết nên chết như thế nào, tự nghĩ có lẽ mình là một quan võ, không biết mình nên chết cách nào cho phải, cho nên « quan ngài » mới phải chạy hỏi xem ý kiến quan Bố là một bậc văn quan...nhưng quan Bố đã tốc đi đâng nào rồi...

Lối văn trào phúng và bao biếm biết chừng nào!

Khái Sinh DƯƠNG TỰ QUÁN

8) Quan Bố là Cao hữu Sung, bấy giờ đang giữ cửa tây, thấy thành bị mất, chạy thẳng lên Sơn-Tây

Đã có bán:

Câu chuyện văn học

của Thiếu-Sơn *Giá: 4$00*

Văn-học là tinh-hoa của đất nước, của nhân-loại. Không có văn-học, đời ta sẽ nhạt-nhẽo, tầm thường, buồn-tẻ, phẳng-lẳng. Văn-học đem đến cho ta những tư-tưởng cao siêu, những tình-cảm thanh-quý. — Cuốn Câu chuyện văn-học gồm có những câu chuyện văn-chương mà ông Thiếu-Sơn đã nói trên đài vô tuyến-điện Saigon, đã được Chính-Phủ Đông-Dương công-nhận là tuyệt-tác, mà cả dân-chúng Đông-Dương cũng đã từng nghe thấy.

CHUYỆN KHOA-HỌC

Số 1 và số 2 của Hoàng-Lan

Tức Hoa-Mai số 42 và 43 mỗi cuốn giá 0$50

NHA XUẤT-BẢN CỘNG-LỰC

N° 9 Rue Takou — Hanoi

TỦ SÁCH NGÀY MỚI

Đã phát hành:

VĂN-CHƯƠNG VÀ XÃ-HỘI

của Lương-đức Thiệp *Giá: 2$50*

Nghiên cứu về nguồn gốc văn học và nghệ-thuật — tính cách đẳng cấp trong văn-học Việt-Nam — xu-hướng xã-hội trong văn-học Việt-Nam hiện đại.

ĐANG IN:

KHỔNG GIÁO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH

nghiên-cứu của Nguyễn uyên Điểm

VIẾT VÀ SỐNG

của Nguyễn xuân Huy

CON MỘT ÍT:

MẸ TÔI *gia đình tiểu thuyết*

của Nguyễn khắc Mẫn *Giá: 3$80*

VĂN HỌC VÀ TRIẾT LUẬN

của bà Mộng Sơn *Giá: 2$50*

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

Giám Đốc: LÊ MỘNG CẦU

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« *Khiến nhân tông An-Tư công-chúa vu Thoát-Hoan, đục thư quốc nan đã.* »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫn thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 10

Lai bỗng ôm lấy đầu gối vua, oà lên khóc nức nở. Vua nói, giọng hiền như cha :

— Có việc gì con khóc đó, Lai ?

— Tâu Quan-gia, Lai vừa nói vừa nức nở, tiểu nhân thấy Quan-gia từ sáng ngày chưa ăn,... Đến như tiểu nhân là kẻ hèn mọn mà còn được no bụng. Mẹ tiểu nhân sợ tiểu nhân đi xa, lại nắm thêm cho tiểu nhân một nắm cơm đỏ để ăn đường cho đỡ đói. Tiểu nhân tay tuy chèo nhưng lòng vẫn ngửi đến Quan-gia, Quan-gia dẫu lo việc nước, cũng không nên biếng ăn quên ngủ, ngọc-thể có làm sao thì con sông trông cậy vào ai? Tiểu nhân trăm sợ, có nắm cơm đỏ đã mấy lần muốn dâng, hiềm vì nỗ thân hèn, vật mọn nên không dám nhưng sợ Quan-gia quá đói, từ sớm chưa ăn, nên tiểu nhân đánh bạo tâu lên, tiểu nhân thực là đáng chết...

Rồi Trần Lai phủ phục dưới chân vua, thiếp đi vì sợ, hai tay dâng lên một nắm cơm đỏ lớn bọc lá chuối xanh.

Vua Thiệu Bảo xoa đầu Trần Lai, mắt vua rơm rớm lệ. Vua nhìn Chiêu-thành vương khi ấy đã tra gươm vào vỏ. Ân cần vua tiếp lấy nắm cơm, rồi lay tên tiểu tốt :

—Lai con ngửng đầu nghe trẫm bảo :

Trần Lai ngẩng đầu lên, mắt dàn dụa, run bần người lên.

Vua phán :

— Trẫm cảm ơn con. Con đừng sợ. Có lẽ nào trẫm lại quở người có lòng thảo như con. Con chưa hiểu trẫm; Trẫm có khó tính đâu. Cơm gạo là của quý, xấu nữa trẫm cũng ăn, trẫm thấy con trung thành có nghĩa, trẫm vui lòng lắm. Chỉ một việc này trẫm cũng đủ nở rồ. Cơm của mẹ nắm cho là quí, con nên giữ lấy mà ăn thì phải hơn. Nhưng trẫm không muốn phụ lòng con, sợ con tủi, nên trẫm nghĩ thế này : Trẫm nhận ăn nắm cơm dâng, nhưng trên thuyền ta có năm người, trẫm, vương-gia, con và người kia, không cứ trẫm, mà năm người cùng đói cả. Trẫm tính chia nắm cơm đỏ này làm năm phần, mỗi người một ít thế mới công bình.

Nói xong, vua bóc lá chuối vứt xuống sông, tuốt chiếc đoản kiếm deo bên mình, chia nắm cơm làm năm phần, trao cho mọi người. Giữa khúc sông im lặng, trong bóng tối lạnh lùng, vua ăn đầu tiên một bữa cơm đạm bạc, ngon lành hơn tất cả cao lương mỹ vị đã nếm qua...

Nửa đêm, vua tới Hải-dông. Các quan hay tin vua giáng lâm tấp nập ra đón ngài vào bành cung. Vì lao tâm lao lực luôn mấy ngày rồng, vua gầy-gầy sốt. Vua muốn đi thẳng vào Vạn-kiếp, nhưng các quan khuyên can, nên dành tâm nghỉ ở Hải-dông rồi truyền cho với Quốc-công về hỏi chuyện. Ở Hải-dông biết thêm nhiều tin tức mới, vua càng lo ngại. Đến đây vua mới càng nhận chân thấy sức mạnh tuyệt đối của quân Nguyễn, đánh đâu được đấy, thực có cái thế trúc chẻ, ngói tan. Còn quân nhà thì từ ngày thất thế trên mặt Bắc, thua ở Chi-lăng tướng sĩ tan vỡ, phần thì chết chóc, phần thì bị bắt, phần thì trốn tránh tan nát, mười phần không còn được một. Những người trung nghĩa, theo Quốc-công về Vạn-kiếp, thì ốm yếu tàng-tật, tình binh rất nguy khốn.

Quân Nguyễn có khí giới tinh xảo, binh lính quen chiến đấu, lại thêm đại bác trợ lực, phá thành cướp trại dễ như trở bàn tay. Đã thế, giặc lại tàn ác. Thoát-Hoan giận vì Triều đình nước Nam ngang nghạnh, được dịp trả thù, dung túng cho quân cản rỡ. Thành thử quân Mông-cổ tự đó hoành hành, tàn hại lương dân, phá từng làng từng tổng, đi đến đâu là lửa cháy rực trời, khói bốc ngùn ngụt, làm tội cả đến tiểu-nhi, hãm hiếp đàn bà con gái, những thảm họa ở vùng Bắc chỉ có những cảnh ở Ám-ty địa ngục sánh kịp.

Vua thở dài, thương cảm, lui vào hành-cung, nằm trằn trọc suốt đêm. Hễ chợp mắt thì lại mê thấy cảnh dân gian chạy loạn, quân Mông-cổ hung ác đuổi theo, ngọn giáo dài xâu những sốc đầu lâu mới ai ém, những tướng binh đùng dữ tợn: Ô-Mã-Nhi, A bát xích, Áo lỗ xích, với những tên cổ quái như quỷ sứ nhà trời...

Trong một lúc vô cùng đau đớn vua rên rỉ một mình:

— Trời ơi! Dân có tội gì?

Và thốt lời nguyền:

— Dẹp giặc mạnh xong, nguyện xin thế phát xuất gia, phổ độ chúng sinh, cầu cúng cho oan hồn tử sĩ.

Sáng hôm sau vua trở dậy, người đau đớn như rần. Vua cùng Chiêu-thành vương ra bến sông chờ đợi, nóng nảy và sốt ruột, vua đi đi lại lại, đăm đăm nhìn về phía Vạn-kiếp, hơi một tiếng động nhỏ cũng giật mình như Hưng-đạo vương tới. Đợi đã lâu Vua là người có tiếng thuần hòa, vậy mà lúc ấy cũng sinh gắt gỏng. Gần trưa, các quan dâng cơm, vua nể lời mời, nhưng chỉ dùng một lưng bát. Lúc lòng vua khó chịu đến cùng độ thì Trần-Lai sa sẽ tâu:

— Tâu Quan-gia, Linh như thuyền Quốc-công.

Vua rảo bước xuống tận bờ sông. Xa xa, hai chấm đen đầu dần hiện rõ hai chiếc thuyền vun vút đi lại, một chốc tới gần Hưng-đạo đeo kiếm đứng trước mũi thuyền, gió đánh bạt chòm râu đen dài tuyệt đẹp, Dã-Tượng Yết-Kiêu đứng hầu. Thuyền vừa cập bến, Quốc-công nhảy xuống, tiến lại phía vua, đình xụp lạy.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

Đặc san về Mùa Thu

Tri-Tân dự định cho ra một số đặc san về mùa thu vào khoảng tháng tám ta.

Số đó sẽ có các mục chính như:

1° — Thơ văn mùa thu.

2° — Các việc lịch sử trong mùa thu.

3 — Bài trống quần và nhiều mục khác.

Chúng tôi xin báo trước để các văn hữu muốn cùng chúng tôi góp mặt trong số đó liệu gửi bài về sớm cho tiện việc xếp đặt.

Xin hãy đón coi số đặc san ấy viết rất công phu.

TÒA-SOẠN

Cùng các bạn đọc

Số 157 này đáng lẽ ra kỳ trước song nhân vì **ngày kỷ niệm đoàn chiến binh**, thành lập lần thứ tư các công sở và các báo đều nghỉ, nên nhà in Tri Tân cũng đóng cửa.

Vì vậy chúng tôi không kịp báo trước để độc giả rõ. Xin các bạn lượng thứ.

TRI TÂN

MUON CON HIỀN, CHÁU THẢO
TRONG NHÀ PHẢI CÓ SÁCH

TÂN HIẾU-KINH

(có nguyên-văn chữ Hán)

Giá: 1 $ 20

ĐÃ CÓ BÁN

Du-Thuyết yếu-thuật	3 $ 80
Lịch-sử Báo-Chí	2 $ 00
Nghệ-thuật và danh giáo	2 $ 50
Phụ-nữ Việt-Nam	2 $ 50
Khổng-Tử học-thuyết I	4 $ 50
Việt-Hoa thông-sử sử lược	5 $ 00

QUỐC-HỌC

THƯ-XÃ HANOI XUẤT-BẢN

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất bản hai cuốn:

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm xuân Đã phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ lạ và lý thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23

LỤC SÚC TRANH CÔNG

bản dịch Pháp văn của Hoàng hữu Xứng và A. de R.

Bình-phẩm cuốn này, Cố Cadière đã nói: « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục súc tranh công còn tự nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm.. » dày 150 trang, khổ 17x23 bìa ô mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bản thường 4$00 cước 0$50
bản giấy Đại la 12$00 cước 1$00

Tổng phát hành

MAI-LĨNH

21, Rue des Pipes — Hanoi

Mới xuất bản

KINH DỊCH

một bộ sách cổ nhất Đông Phương !

lạ nhất nhân loại !

Toàn bộ 5 cuốn dày ngót 2000 trang

Giấy thường	30$00
Giấy Dó (*hộp lụa*)	75, 00
Giấy Bạch minh châu (hộp gấm)	200,00 (hết)
thêm cước gửi	5, 00

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LĨNH — Hanoi

TỦ SÁCH

« TÂN-VĂN-HÓA »

25 - 9 - 1944

sẽ phát hành

HỌC THUYẾT KINH-TẾ

TIỂU DẪN

của Nguyễn-hải Âu

Giá 4 $ 00

CÁC BẠN ĐÓN ĐỌC NGÀY 10-10-1944 SỐ ĐẦU của

VĂN MỚI

tạp chí nghị luận

CHIẾN ĐẤU CHO SỰ ĐẮC THẮNG CỦA TƯ TRÀO TÂN-VĂN-HÓA

Hàn thuyên phát hành 71 Tiêu tsin Hanoi

do QUẢNG VẠN THÀNH hành

Sách Vở — *đã có bán*

LÒNG VÀNG

Ed de Amicis soạn Hải Âu dịch một quyển giáo khoa, đào luyện trí khí trẻ em.

« Tôi thấy rằng quyển sách qui này có một cái « sức cảm hóa to lắm...

Trích lời của ông Hoàng Đạo Thúy

(Thanh-nghị số 76 ngày 29 7-1944

Giá 4$00 cước 0 80

đang in

ĐỜI ĐOÀN THỂ

Hải Tùng soạn

một thiên « Thời bệnh luận » rất đáng nên đọc. « ...chủ đích là muốn đề xướng một vấn-đề mà người Việt-Nam ta cần giải quyết ngay để sinh tồn trong buổi cạnh tranh này...»

Giá 2 $ 00 cước 0.80 trích lời nói đầu của Tác-giả.

đã có — *Hàng hóa*

ÁO ĐI MƯA ÍCHLAN

Bằng lụa ta, sơn tà mười mấy năm kinh-nghiệm, nhiều chứng-thư ngợi khen..

Rất nhẹ, rắc bền, rất đẹp,

mới chế

VẢI ĐAY SƠN

màu giả da (simili-cuir)

dùng để may áo mặc rét làm mui xe áo tơi cánh gà xe, và bọc đệm ghế rất đẹp bền.

KHẢM TRUYỀN THẦN

Giống như hệt, đẹp tuyệt trần thật là một công-nghệ đặc biệt của ta không nước nào sánh kịp.

Vị nào muốn biết nội-dung sách, hay hỏi giá hàng, xin cho biết địa-chỉ và 0 10 tem về

QUẢNG VẠN THÀNH « Nội-Hoá » — mở năm bính dần 1926

Phố Lê Lợi số 16 Hanoi

Phố Doumer — 51 Hai phong

Phố Yên lưu Kinh môn Haiduong

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Trường-Phương — Imp. Tri-Tân 95—97 Chaucaulma, Hanoi